



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

THIẾT LẬP CỘT MỐC LỊCH SỬ

Ngày: 28/07/2025 – 01/08/2025



NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

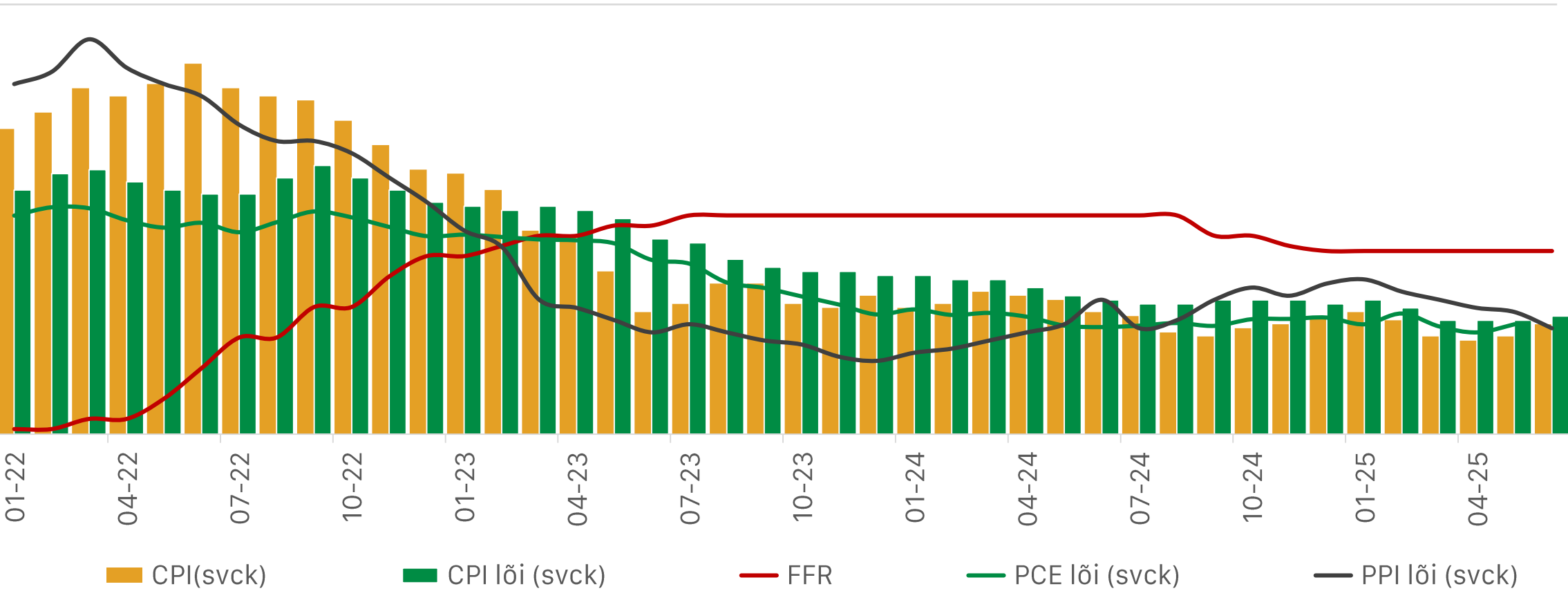


TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



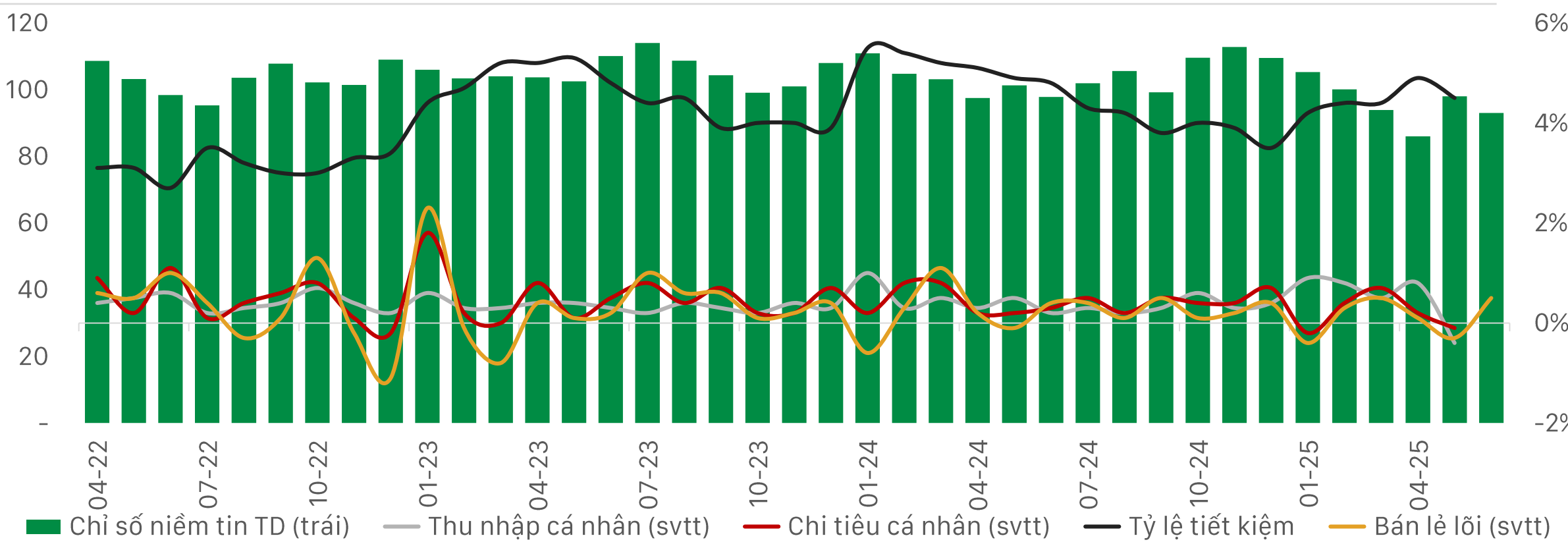
Kinh tế Mỹ cho thấy khả năng duy trì tăng trưởng ổn định trong môi trường lãi suất cao và chính sách thương mại thay đổi. Lạm phát đang trên đà hạ nhiệt nhưng chưa hoàn toàn an toàn, buộc Fed duy trì thái độ thận trọng trong điều hành chính sách tiền tệ. Nửa cuối năm 2025, triển vọng tăng trưởng vẫn tích cực, nhưng dư địa phục hồi không lớn do tiêu dùng bắt đầu chững lại, chi phí vốn cao và rủi ro bên ngoài gia tăng. Trong bối cảnh đó, sự phối hợp linh hoạt giữa chính sách tiền tệ, tài khóa và quản trị kỳ vọng thị trường sẽ là yếu tố then chốt để đảm bảo ổn định vĩ mô và củng cố niềm tin vào quỹ đạo phục hồi của nền kinh tế Mỹ.

Lạm phát chậm lại nhưng vẫn cao

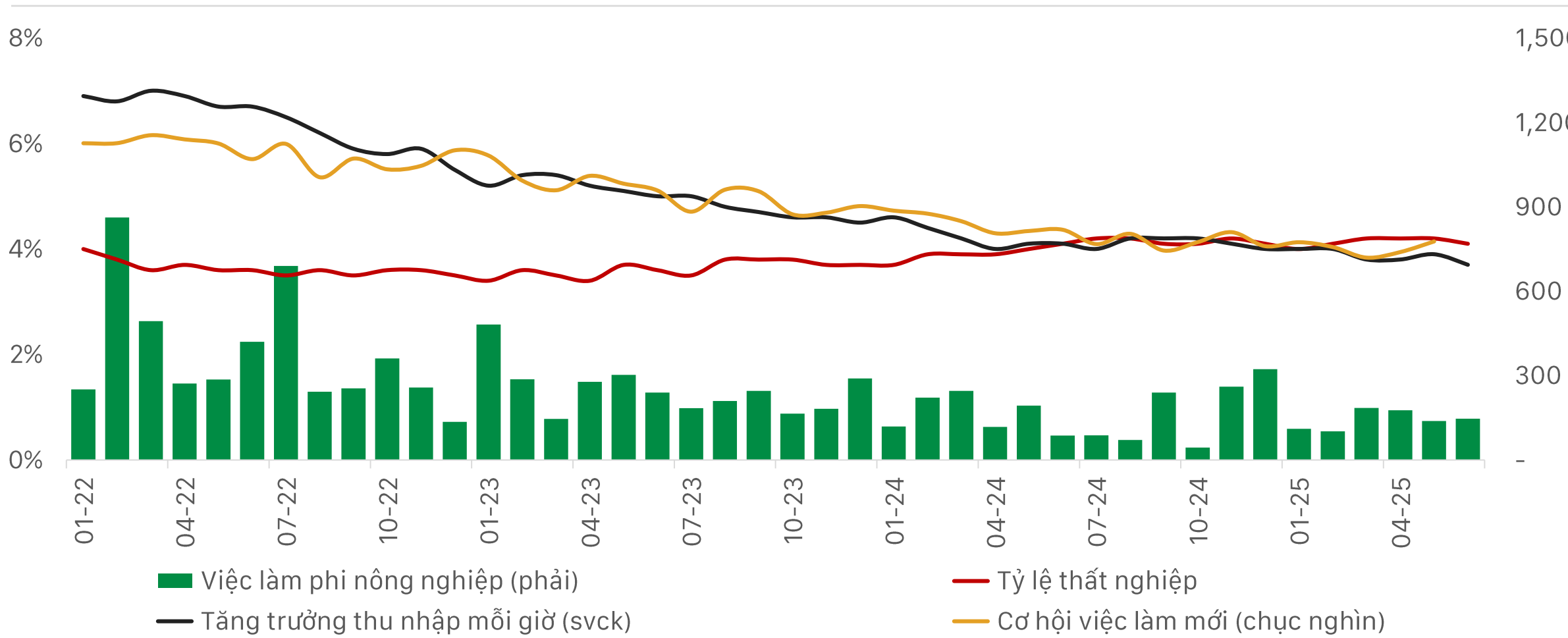


- Tăng trưởng duy trì ổn định dù nhiều sức ép:** tăng trưởng ổn định trong quý II/2025, được hỗ trợ bởi tiêu dùng cá nhân vững và đầu tư doanh nghiệp cải thiện. Tuy nhiên, đà phục hồi có dấu hiệu chậm lại do ảnh hưởng tích lũy từ chi phí vay cao và các chính sách thương mại mới bắt đầu tác động rõ hơn.
- Lạm phát hạ nhiệt, thị trường lao động còn bền vững:** Lạm phát tiếp tục xu hướng giảm, với giá dịch vụ chững lại và giá hàng hóa ổn định. Thị trường lao động vẫn giữ sức mạnh tương đối, tỷ lệ thất nghiệp ổn định và tạo thêm việc làm mới, dù tốc độ tuyển dụng đã chậm hơn so với giai đoạn đầu năm.
- Fed thận trọng trước chu kỳ nổi lòng:** Cục Dự trữ Liên bang vẫn duy trì lập trường thận trọng, chưa vội giảm lãi suất trong bối cảnh lạm phát dù hạ nhưng chưa về ngưỡng mục tiêu. Dự kiến Fed có thể bắt đầu hạ lãi suất vào cuối năm nếu dữ liệu tăng trưởng và giá cả tiếp tục diễn biến thuận lợi.

Thị trường lao động vẫn vững vàng nhưng có dấu hiệu thận trọng



Thị trường lao động vẫn vững vàng nhưng có dấu hiệu thận trọng

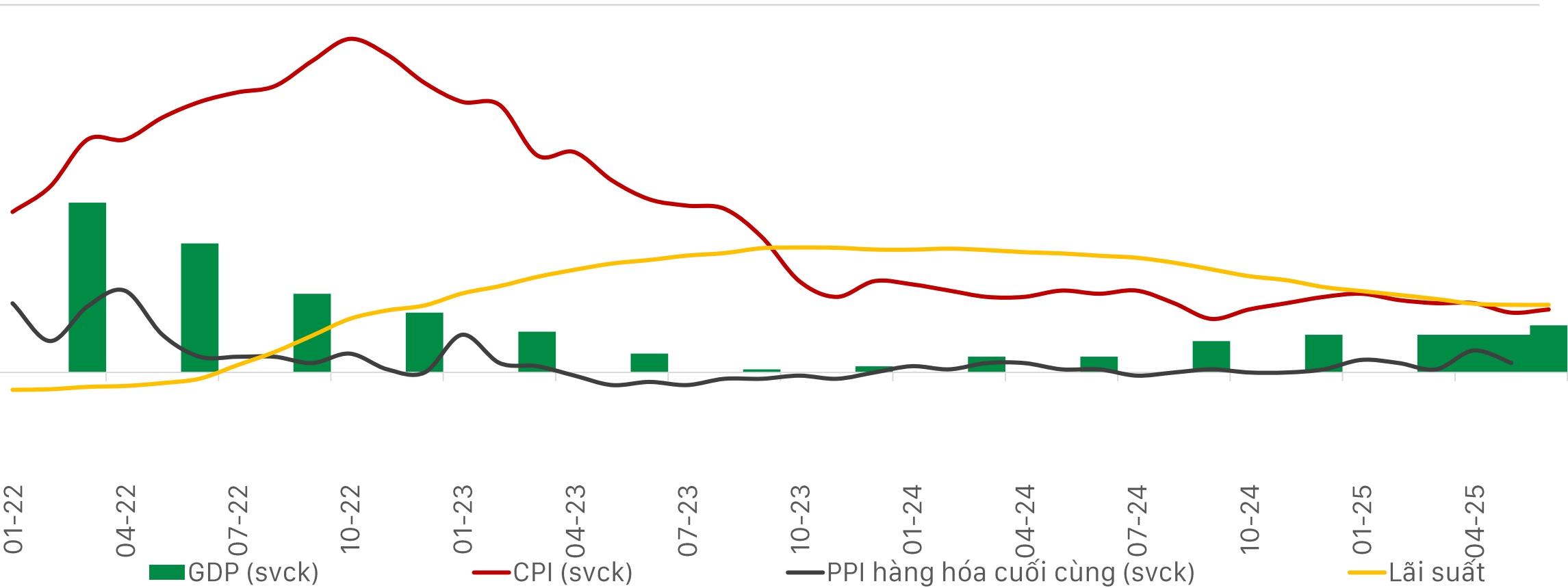


CHÂU ÂU: TĂNG TRƯỞNG KHIÊM TỐN, LẠM PHÁT HẠ NHIỆT - CHÍNH SÁCH CẦN LINH HOẠT



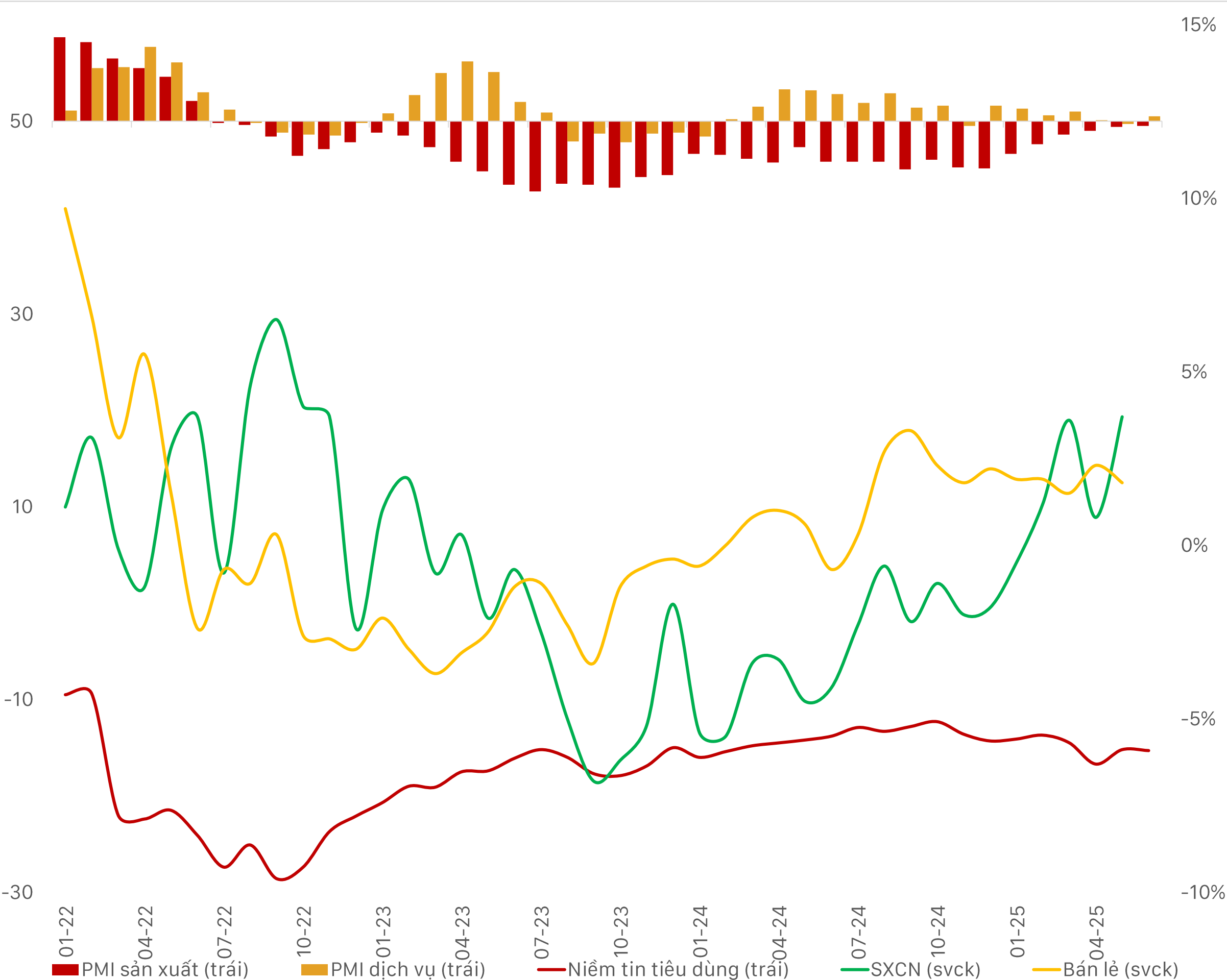
Châu Âu đang vận hành dưới áp lực giảm tốc tăng trưởng và disinflation nhanh, buộc chính sách tiền tệ phải cân bằng mỏng manh giữa hỗ trợ kinh tế và kiểm soát giá cả. Đà tăng trưởng thấp và sự phân hóa giữa các nền kinh tế thành viên đòi hỏi phối hợp chính sách tài khóa linh hoạt, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, chuyển đổi năng lượng xanh và kích thích tiêu dùng nội địa. Đồng thời, ECB cần duy trì kênh thông tin minh bạch để quản lý kỳ vọng thị trường và sẵn sàng điều chỉnh linh hoạt nếu rủi ro địa chính trị hay áp lực giá toàn cầu bất ngờ gia tăng. Đối với các doanh nghiệp và nhà đầu tư, kịch bản cơ bản vẫn là tăng trưởng chậm, lạm phát gần mục tiêu, nhưng cần chuẩn bị cho các cú sốc ngắn hạn từ thương mại và năng lượng.

Tăng trưởng GDP và việc làm ổn định - Lạm phát gần chạm mục tiêu, nhưng áp lực giảm phát vẫn hiện hữu



- Tăng trưởng khiêm tốn và phân hóa vùng:** dự báo cho thấy GDP khu vực đồng euro tiếp tục thấp hơn tiềm năng, ở quanh 0,9–1,1% cho năm 2025, với những nền kinh tế xuất khẩu mạnh như Đức chịu áp lực từ thương mại toàn cầu, trong khi Pháp hay Tây Ban Nha ít biến động hơn nhờ tiêu dùng nội địa ổn định.
- Disinflation tiến nhanh, nhưng rủi ro đảo chiều:** lạm phát chung được kỳ vọng hạ dần về 2,0% trung bình năm 2025 và tiếp tục giảm xuống 1,6% năm 2026, nhờ giá năng lượng giảm và đồng euro mạnh; tuy nhiên, căng thẳng thương mại hoặc biến động giá lương thực có thể đẩy lạm phát quay lại.
- Chính sách tiền tệ thận trọng giữa bất định:** lãi suất chính sách ổn định tại 2%, với tín hiệu cắt giảm hạn chế – thị trường hiện chỉ còn khoảng 50% khả năng hạ lãi thêm trong năm 2025 – khi các quan chức cảnh báo về rủi ro từ chiến tranh thương mại và biến động tỷ giá.

Tiêu dùng nội địa giảm nhẹ, tâm lý kinh doanh còn dè dặt

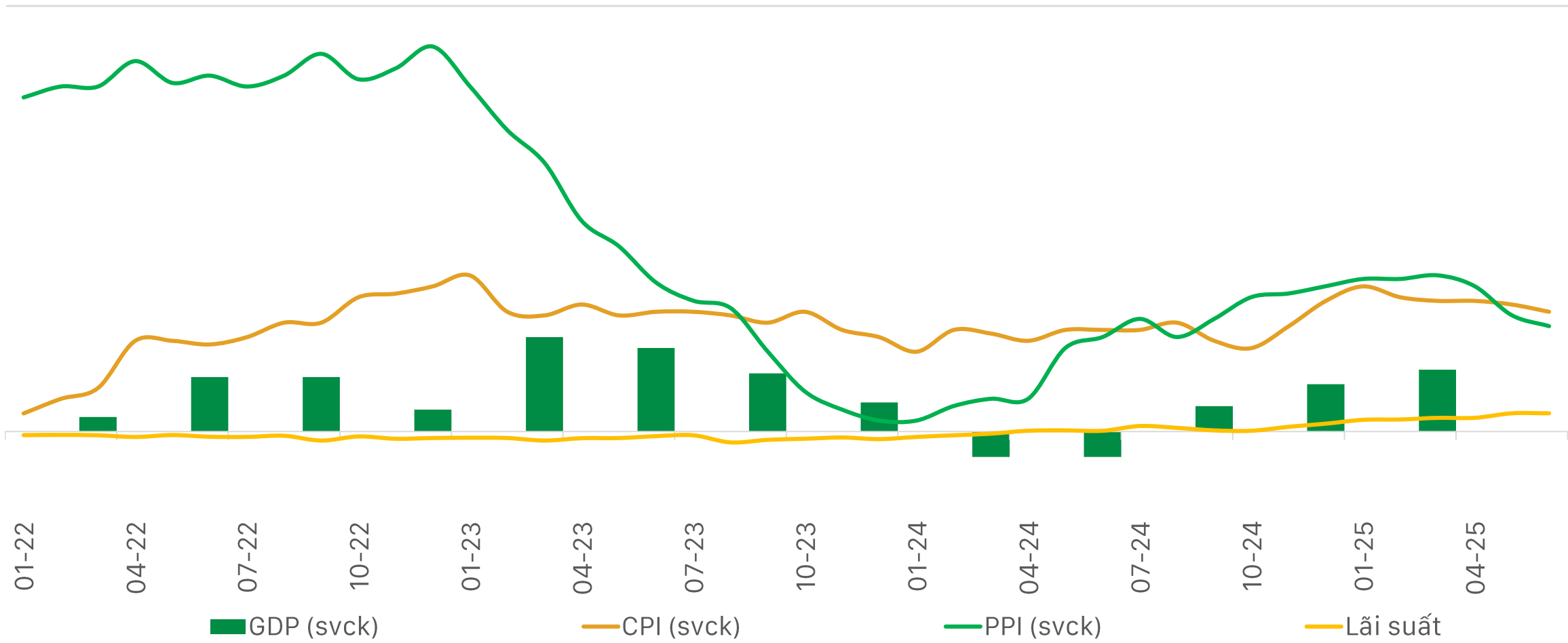


NHẬT BẢN: TĂNG TRƯỞNG CHẬM, LẠM PHÁT CAO DAI DẲNG VÀ DUY TRÌ THẬN TRỌNG



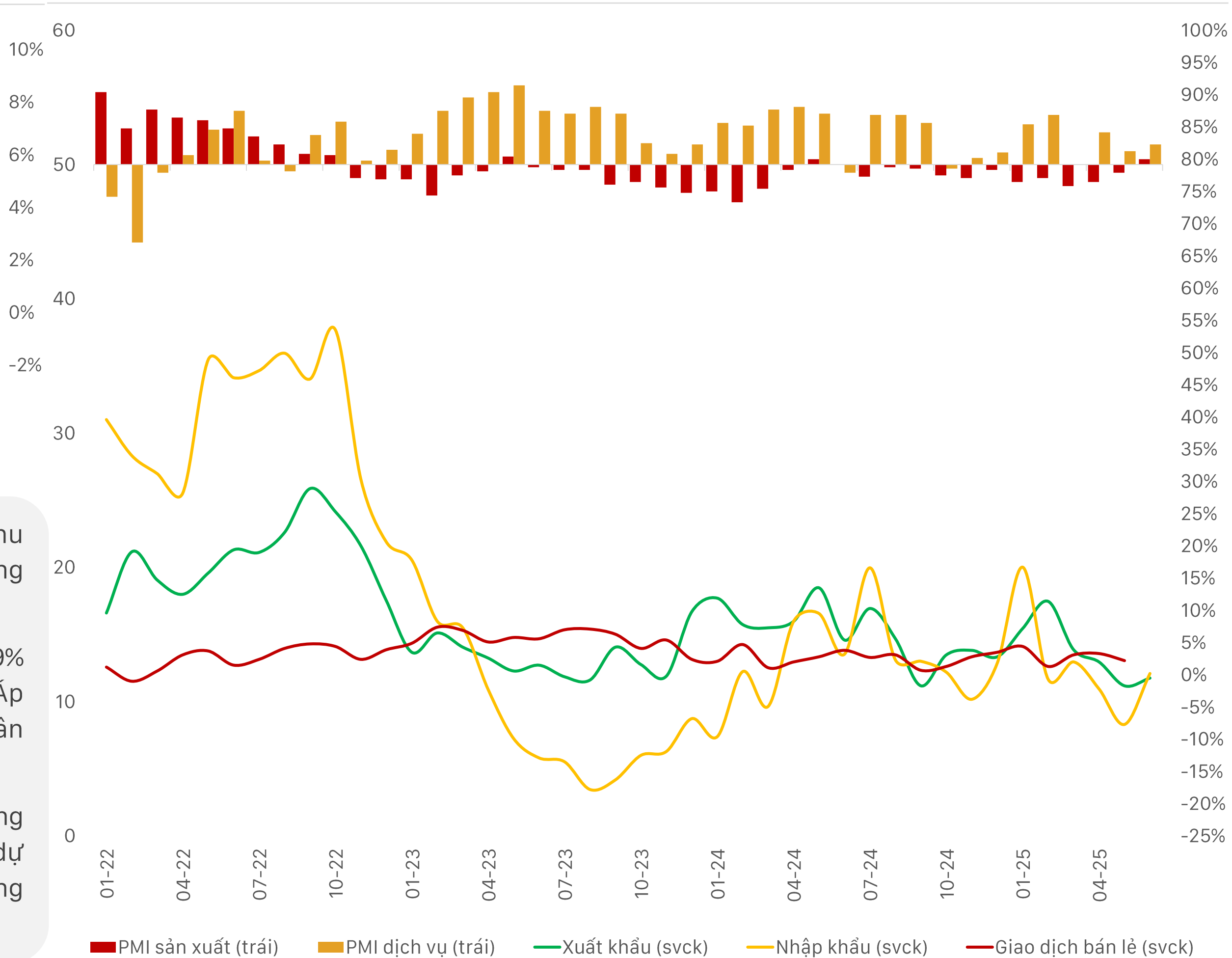
Nhật Bản sẽ tiếp tục đối mặt với tăng trưởng dưới tiềm năng và lạm phát dai dẳng trong nửa cuối năm 2025. Dự báo tăng trưởng GDP quanh 0,5–1,0% cho cả năm, trong khi lạm phát cơ bản có thể giảm dần về gần 2,2–2,4%. BOJ nhiều khả năng duy trì lãi suất ở mức hiện tại cho đến khi có sự cải thiện rõ rệt về tăng trưởng tiêu dùng và đầu tư tư nhân, đồng thời sẵn sàng nới lỏng hoặc thắt chặt thêm tùy diễn biến thương mại toàn cầu và động thái tiền tệ của các nước lớn.

Lạm phát dai dẳng ở mức cao - Chính sách tiền tệ thận trọng, chờ đợi dữ liệu



- **Tăng trưởng khiêm tốn và phân hóa:** duy trì đà phục hồi yếu ớt sau quý I/2025 khi GDP thu hẹp 0,2% (annualised) nhưng cải thiện so với mức -0,7% ban đầu. Chính phủ đã hạ dự báo tăng trưởng cả năm 2025 xuống 0,5% từ 1,1% do tác động kéo dài của thuế quan Mỹ
- **Lạm phát dai dẳng trên ngưỡng mục tiêu:** Chỉ số lạm phát cơ bản tại Tokyo vẫn ở quanh 2,9% vào tháng 7, trên mức mục tiêu 2% của BOJ, dù có dấu hiệu chậm lại so với đỉnh giữa năm. Áp lực giá thực phẩm và năng lượng tiếp tục là động lực chính duy trì lạm phát cao, khiến Ngân hàng Trung ương phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định tăng lãi suất thêm.
- **Chính sách tiền tệ thận trọng giữa rủi ro toàn cầu:** BOJ giữ quan điểm “chậm và chắc” trong việc nâng lãi suất, khẳng định sẽ chỉ hành động khi dữ liệu kinh tế và giá cả phù hợp với dự báo. Rủi ro từ bất ổn thương mại toàn cầu và đầu tư công nội địa còn hạn chế buộc ngân hàng trung ương phải duy trì khả năng linh hoạt cao.

Giao dịch bán lẻ vẫn giảm, thể hiện tiêu dùng nội địa chưa hồi phục bền vững.

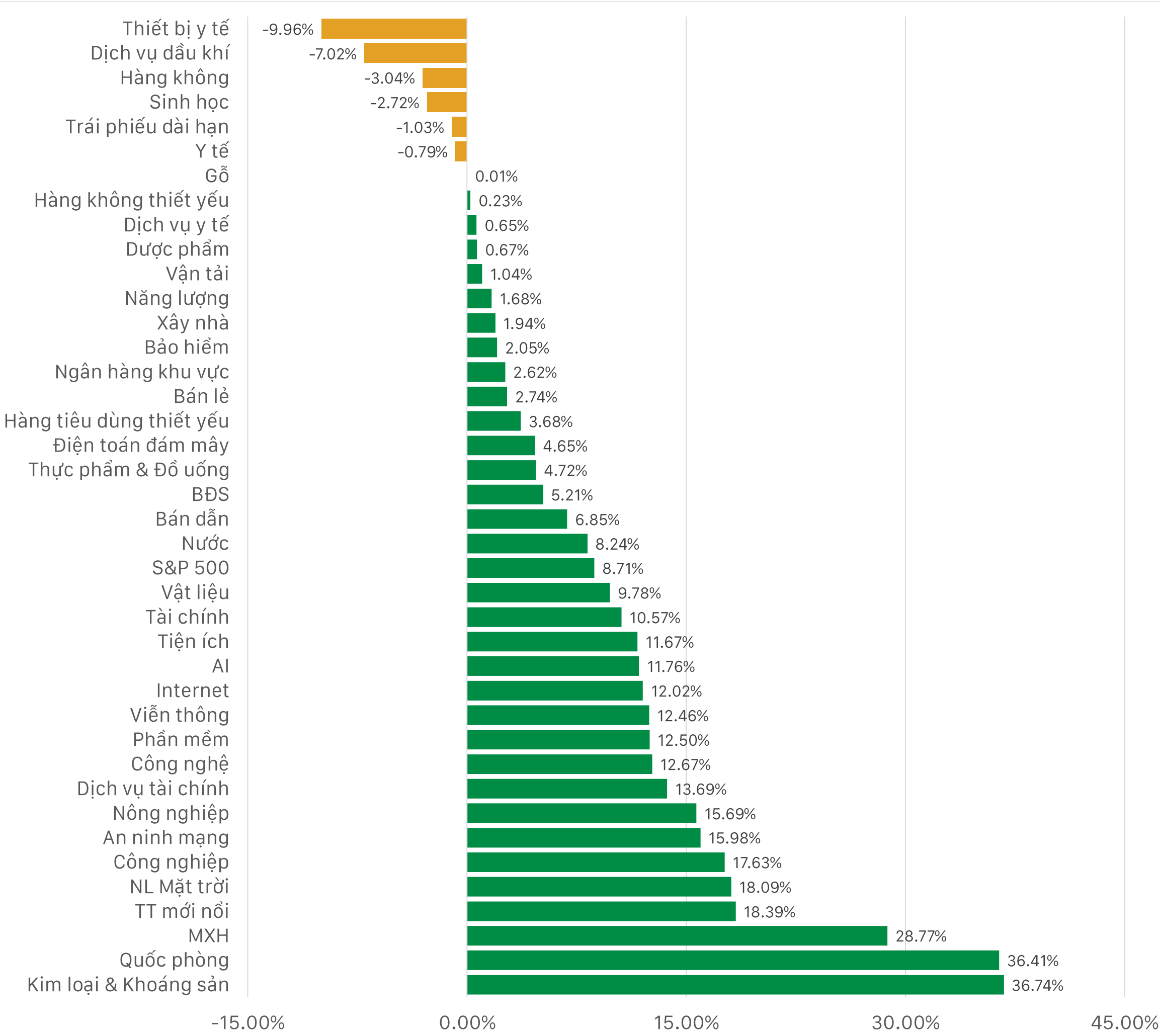


Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	3,336.98	-0.4%	0.3%	27.2%	39.8%
WTI/USD	65.07	-1.5%	-0.3%	-9.3%	-15.7%
Bitcoin	117,487	-0.4%	9.7%	25.9%	72.6%
Dow Jones	44,902	1.3%	3.5%	5.5%	10.6%
S&P 500	6,389	1.5%	4.0%	8.6%	17.0%
Nasdaq	23,272	0.9%	3.7%	10.8%	22.3%
GP100	9,120	1.4%	4.4%	11.6%	10.1%
DAX	24,218	-0.3%	2.4%	21.6%	31.5%
CAC 40	7,835	0.2%	3.7%	6.2%	4.2%
Euro Stoxx 50	5,350	-0.2%	2.0%	9.3%	10.0%
Nikkei 225	41,456	4.1%	4.7%	3.9%	10.1%
Shanghai	3,594	1.7%	4.2%	7.2%	24.3%
Hang Seng	25,388	2.3%	4.4%	26.6%	49.2%
Vnindex	1,531	2.4%	12.3%	21.0%	23.5%
Set 50	798	1.1%	10.5%	-11.9%	-2.8%
VND/USD	26,145	-0.1%	0.1%	2.6%	3.3%
DXY	97.67	-0.8%	0.5%	-10.0%	-6.4%

- Chứng khoán Mỹ tăng lên mạnh mẽ trong tuần qua với Dow Jones cũng đi lên đỉnh 44.902 điểm. Hiện tại, Dow Jones chỉ còn cách đỉnh cũ khoảng 0,25%. Cả ba chỉ số chứng khoán quan trọng của Mỹ đều kết thúc tuần với kết quả tích cực. Trong đó, Dow Jones tăng khoảng 1,3% còn Nasdaq Composite tăng 1% và S&P 500 lên 1,5%. Thị trường Mỹ tăng trưởng lạc quan được hỗ trợ bởi mùa báo cáo kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh, bao gồm cả những công ty đầu ngành như Google. Các chỉ số lạm phát ổn định, lãi suất dao động trong biên độ hẹp và lợi nhuận có xu hướng tăng đã tạo động lực cho cổ phiếu lên giá.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tuần qua lần đầu chạm mốc cao nhất lịch sử 1531. Chỉ số Index duy trì đà tăng mạnh 2.4% trong tuần qua và 21% kể từ đầu năm. Giá Bitcoin điều chỉnh về vùng quanh 118 sau khi lập đỉnh cao nhất 125 trong tuần qua. Giá vàng giữ giá quanh mốc 3,300. Riêng giá dầu giảm -1.5% trong tuần vừa qua và rơi xuống 65 một phần OPEC+ có kế hoạch tăng sản lượng thêm 548.000 thùng/ngày từ tháng 8, làm dấy lên lo ngại về tình trạng dư cung trên thị trường

- Trong 6T2025, các ngành Sản xuất Máy bay/Quốc phòng (Aerospace & Defense) và Nguyên vật liệu Kim loại (Metals & Minging) được hưởng lợi nhiều từ các sự kiện Xung đột chiến tranh. Tuy nhiên, trong Q3-Q4/2025 câu chuyện về AI sẽ vẫn là chủ đề đầu tư chính.
- Ở cấp độ ngành, Chúng tôi giữ quan điểm tiêu cực với Hàng xa xỉ, Ô tô, Bán dẫn và thận trọng với Năng lượng do ảnh hưởng từ bất ổn thuế quan, vĩ mô và tỷ giá. Ngược lại, các ngành Hàng không & Quốc phòng, Bảo hiểm và Phần mềm được đánh giá tích cực trong mùa báo cáo sắp tới.

Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (YTD)



Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (MTD)



ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



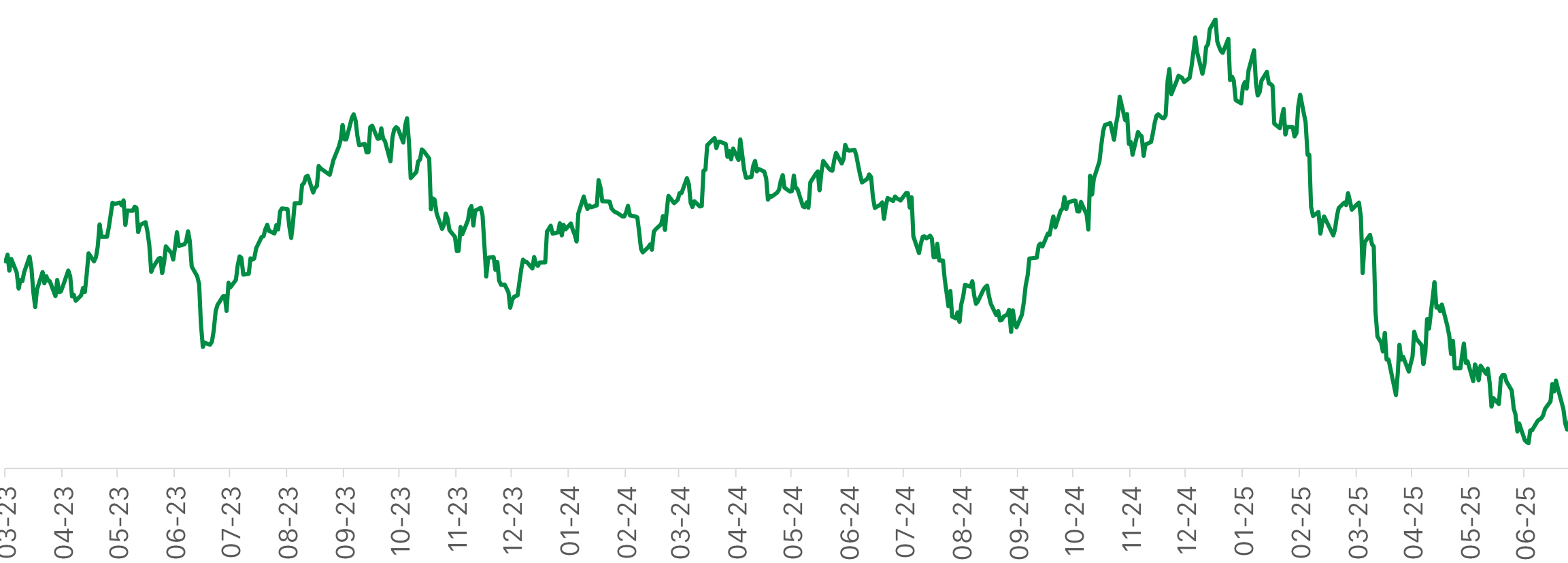
THANH KHOẢN TIẾP TỤC MỞ RỘNG – TỶ GIÁ TIẾP TỤC NEO GIỮ Ở MỨC CAO



DXY có thể phục hồi nhẹ khi kỳ vọng về cắt giảm lãi suất của Fed bị lùi lại nhưng mức tăng sẽ không quá đột biến. Tỷ giá USD/VND vẫn chịu áp lực từ các biến động kinh tế – chính trị toàn cầu, nhu cầu nhập khẩu gia tăng và những điều chỉnh thường xuyên trong chính sách thương mại quốc tế. Tuy nhiên, dòng vốn FDI và xu hướng thặng dư thương mại vẫn đang cho thấy sự cải thiện so với giai đoạn trước, tạo nền tảng hỗ trợ cho dự trữ ngoại hối.

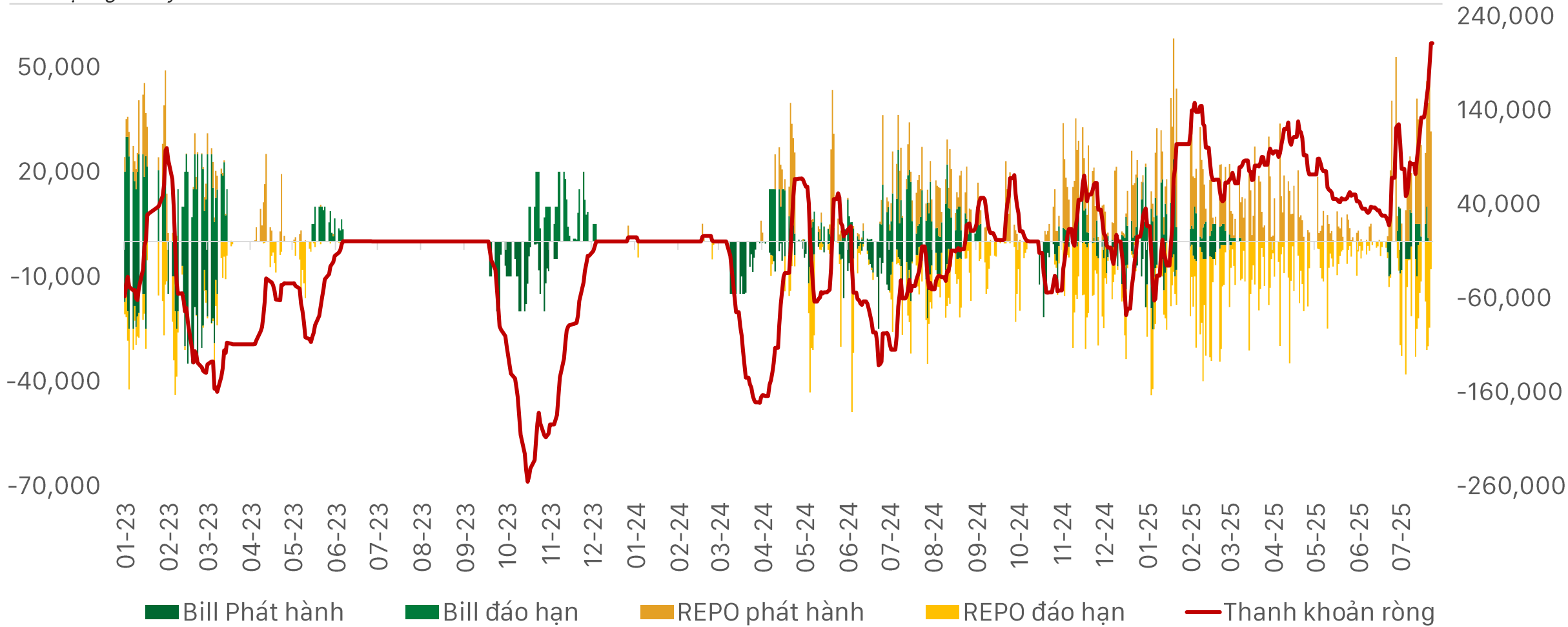
- **DXY vẫn giằng co quanh mốc 98.5 chờ đợi tín hiệu từ Fed và dữ liệu lạm phát:** chỉ số đã dao động chủ yếu trong vùng 97.5–100, với ngưỡng kháng cự quanh 98.5 thể hiện kỳ vọng thị trường sẽ phản ứng mạnh mẽ trước biên bản họp FOMC và báo cáo CPI sắp công bố. Những phiên biến động mạnh giảm vào cuối tháng 6 đã tạo đáy tạm thời, nhưng lực mua quay trở lại khi lo ngại Fed chưa sẵn sàng giảm lãi suất.
- **Thanh khoản hệ thống liên tục được duy trì trong tầm kiểm soát:** Các số liệu phát hành và đáo hạn trái phiếu chính phủ, cùng với hoạt động repo qua kênh NHNN, cho thấy dòng tiền trên thị trường liên ngân hàng được điều tiết chặt chẽ, duy trì thanh khoản ròng và đưa lãi suất dao động quanh mức cần thiết, tránh được hiện tượng “khan tiền” gây biến động lãi suất qua đêm.
- **Tỷ giá USD/VND neo ở mức cao nhưng biến động tuần hoàn:** Trên thị trường tự do và ngân hàng, tỷ giá USD/VND đã tăng từ khoảng 24.000 VND/USD lên gần 26.500 VND/USD, phản ánh áp lực cầu USD gia tăng.

Nhiều khả năng DXY sẽ tiếp tục duy trì quanh mốc 98.5 chờ biên bản họp Fed và số liệu lạm phát



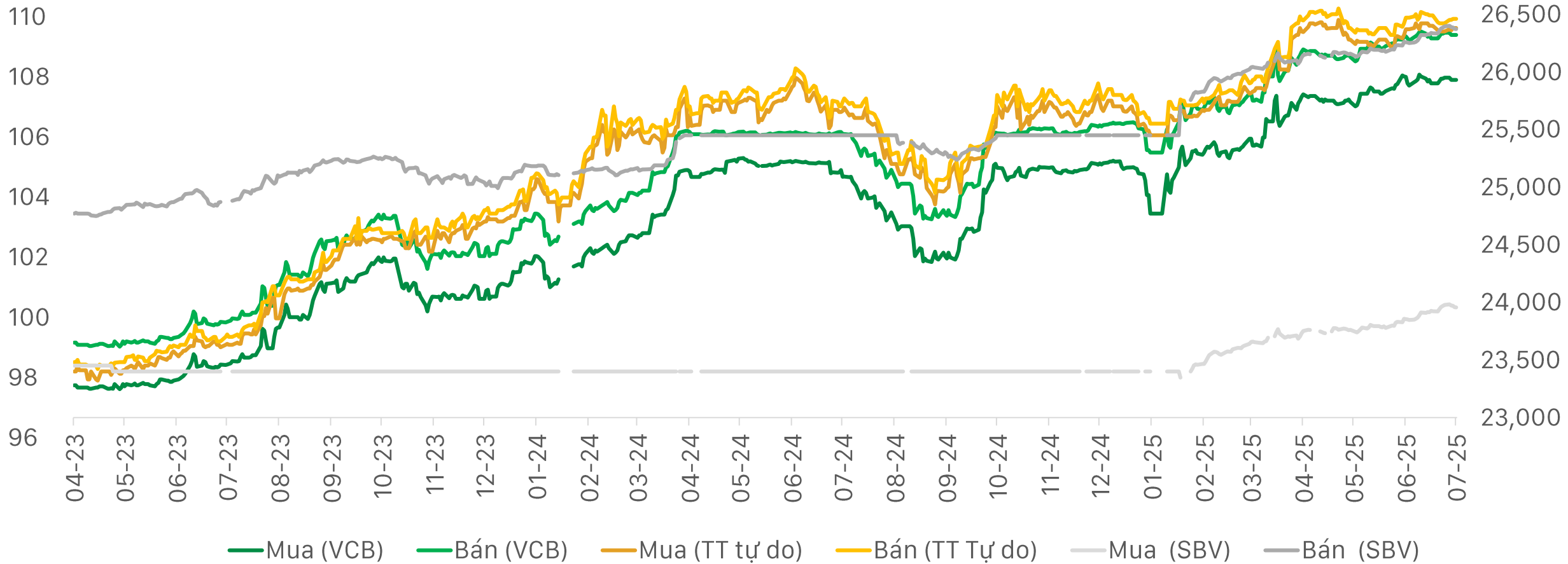
Thanh khoản hệ thống liên tục được duy trì kiểm soát

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



Tỷ giá đang dao động ngang nhưng vẫn neo ở mức cao

Đơn vị: VND/USD

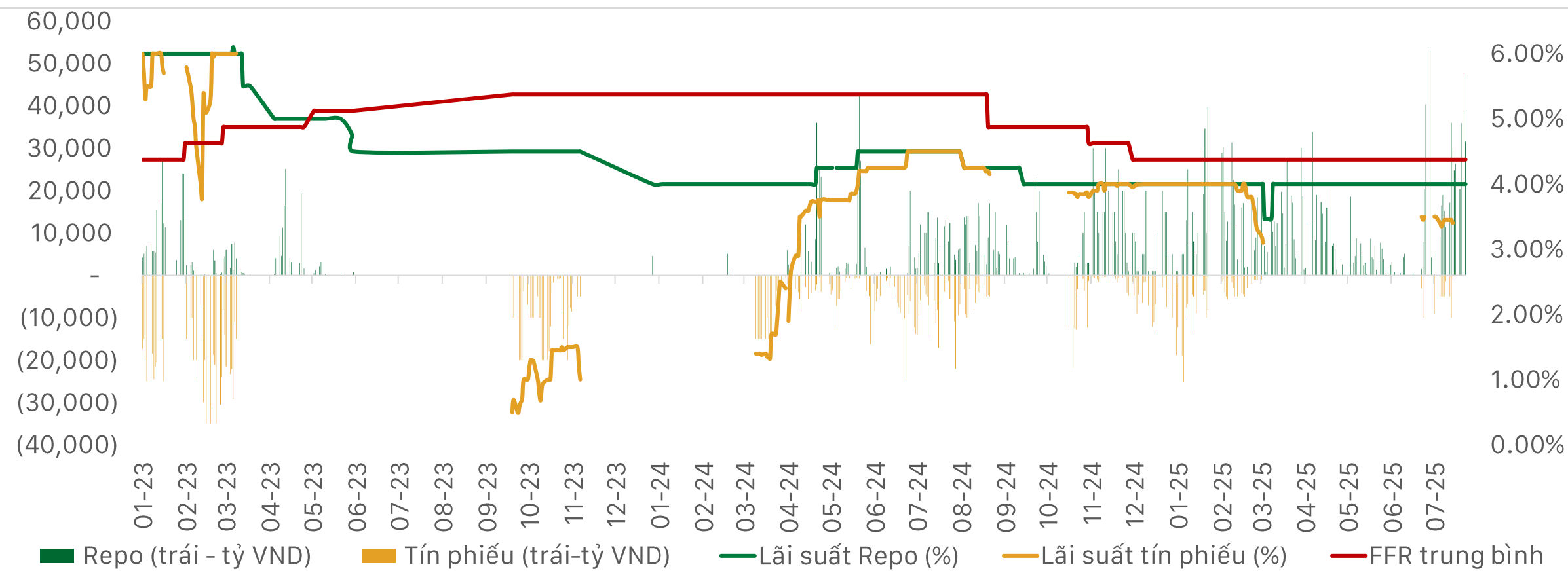


LÃI SUẤT TIẾP DUY TRÌ – THANH KHOẢN TIẾP TỤC ĐƯỢC HỖ TRỢ

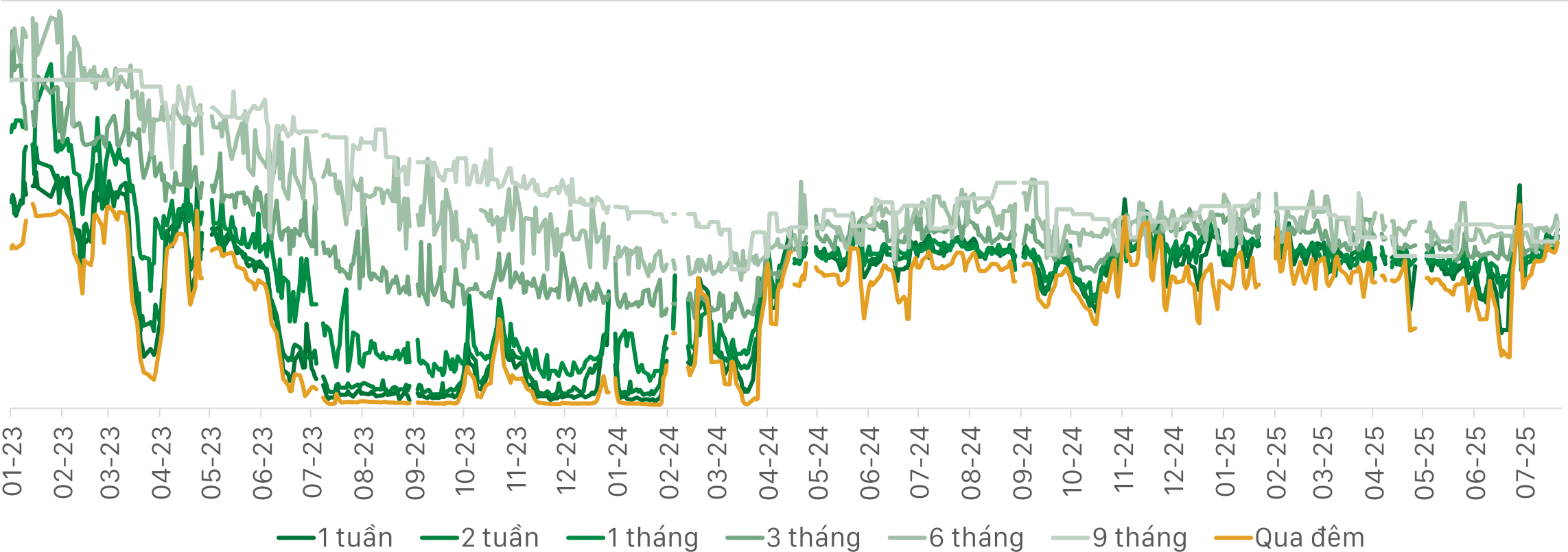


- Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng hàng chục nghìn tỷ đồng duy trì lãi suất tín phiếu ở 4% và ổn định thanh khoản hệ thống. Đồng thời, mặt bằng lãi suất huy động phổ biến trong khối ngân hàng thương mại vẫn duy trì quanh 4–5%/năm, còn lãi suất trung bình liên ngân hàng qua đêm duy trì thấp, chỉ khoảng 4,5–5%/năm.
- Với chính sách lãi suất được duy trì ở mức thấp và ổn định, Ngân hàng Nhà nước khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp và hộ dân, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên như sản xuất – xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp công nghệ cao. Biện pháp này không chỉ hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 14–16% trong năm 2025, mà còn góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn cho nền kinh tế, khuyến khích đầu tư và tiêu dùng, đồng thời kiểm soát lạm phát trong khoảng 4%.

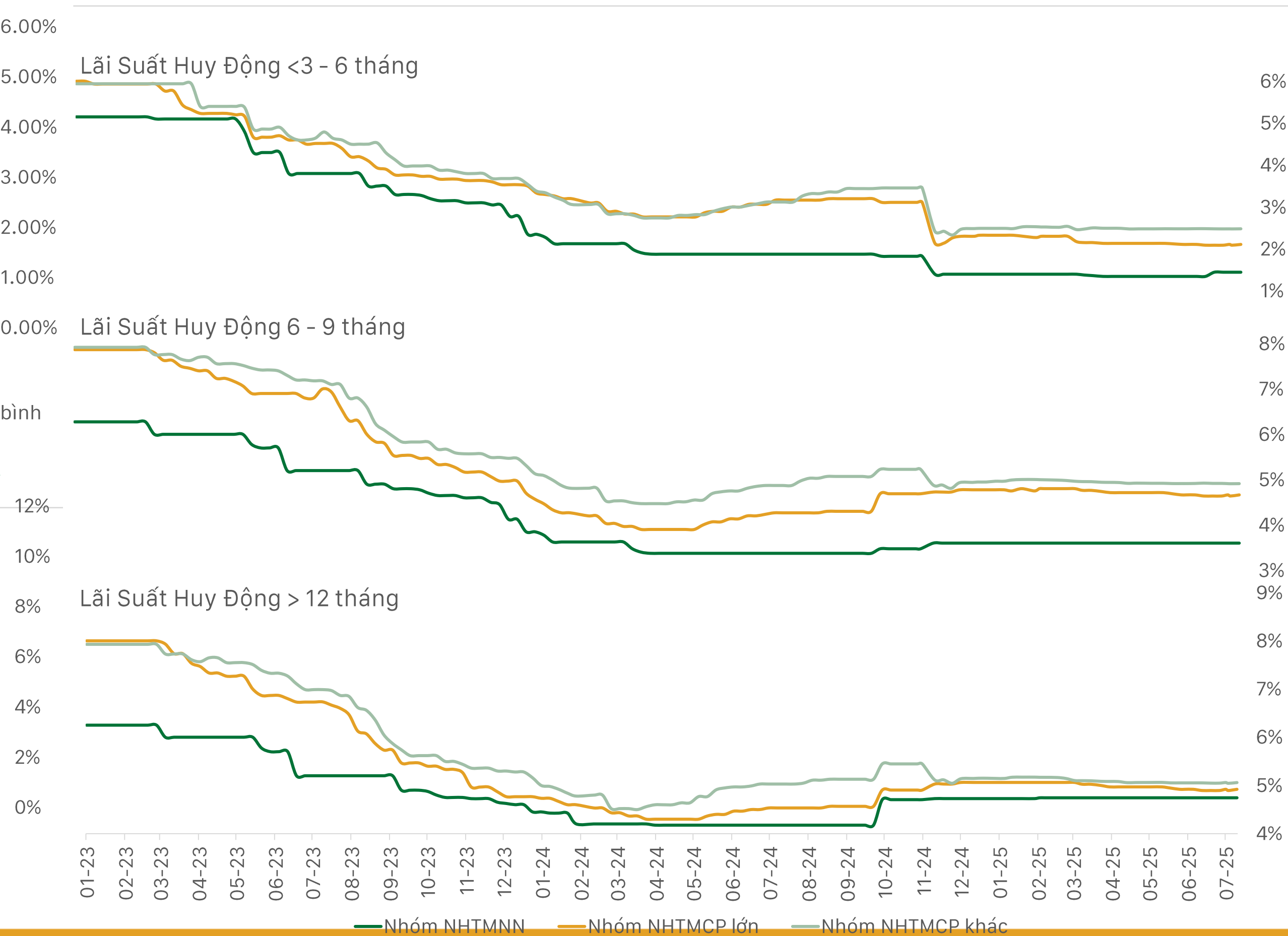
Ngân hàng nhà nước bơm ròng thanh khoản ngắn hạn vào hệ thống với mức lãi suất 4%.



Lãi suất liên ngân hàng có biến động gia tăng nhưng được điều hành và kiểm soát về mức thấp.



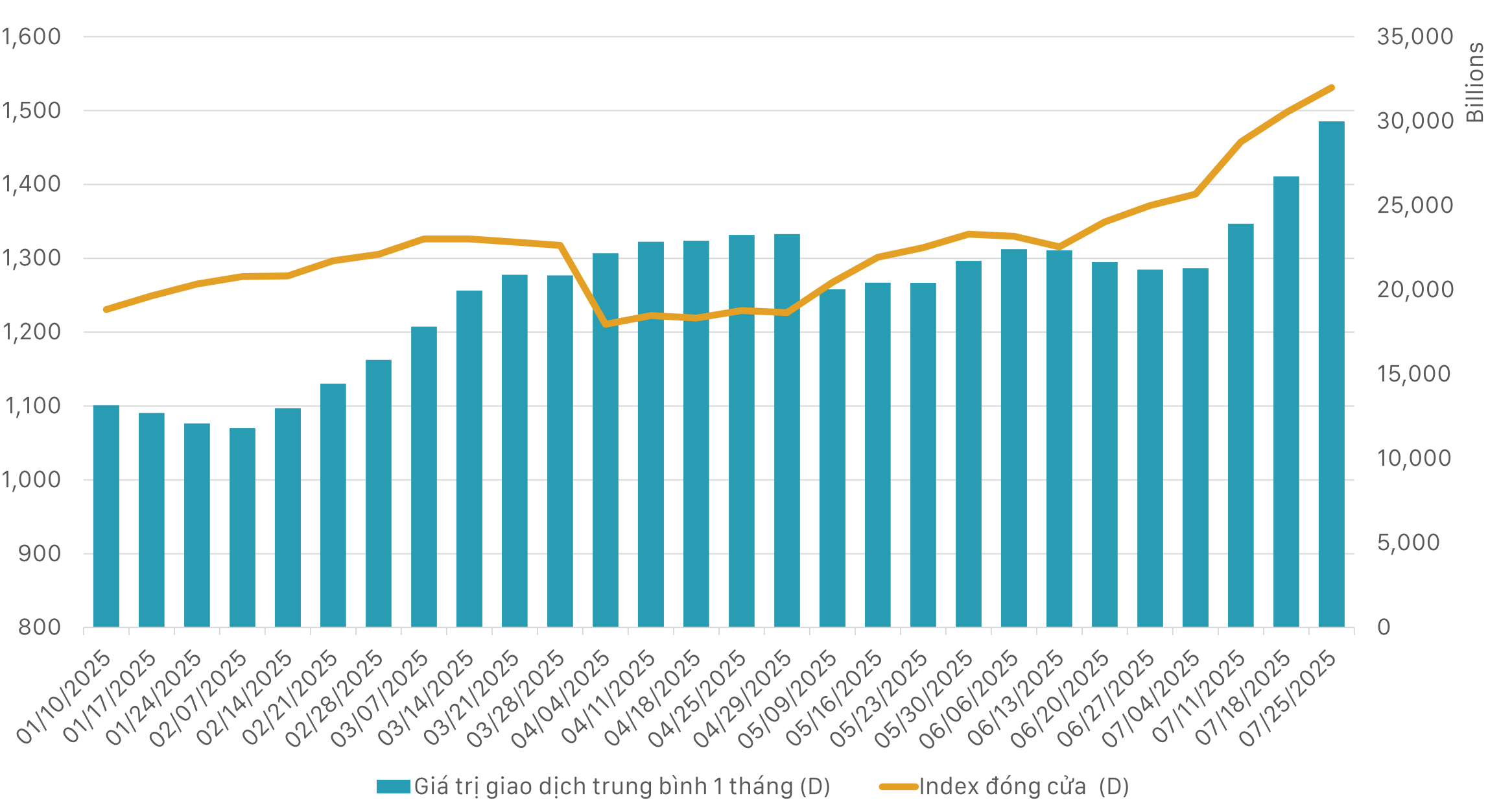
Lãi suất huy động đi ngang từ đầu năm đến nay ở mặt bằng thấp



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản thị trường duy trì tăng trưởng cao



- Tuần qua chỉ số Vnindex lần đầu tiên chạm đỉnh cao nhất lịch sử quanh 1530 và đã có thời điểm vượt qua thành công. Thanh khoản thị trường đạt mức kỷ lục có phiên trên 30 ngàn tỷ đồng. Dòng tiền vẫn tập trung mạnh hai nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán theo kỳ vọng đón đầu thị trường nâng hạng vào cuối năm.
- Tính theo tuần VN-Index đã có tuần thứ 6 tăng điểm liên tiếp với chuỗi tăng gần 250 điểm từ mốc 1300 điểm vào giữa tháng 6. Đây là đợt sóng với thanh khoản cao nhất từ trước đến nay với nhiều phiên vượt 30 ngàn tỷ đồng. Dòng tiền khối ngoại cũng tăng cường quay lại thị trường sau giai đoạn rút ròng từ đầu năm.
- Hiện tại là giai đoạn công bố tài chính quý 2. Dòng tiền đang hướng sang các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tăng trưởng mùa bán niên. Ngoài ra dòng tiền đổ mạnh theo từng nhóm cổ phiếu theo tập đoàn. Sau nhóm Vingroup hiện tại là nhóm Gelex, VietJest, SHB.

- Đường chỉ số Vnindex trong tuần qua duy trì đà tăng khả quan dù mức độ tăng tốc có chậm lại so với 2 tuần trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu tăng ngắn hạn với xung lực rất mạnh. Theo đồ thị tuần, đường Vnindex có choãi dài kỷ lục 6 tuần tăng liên tiếp. Đường RSI vẫn giữ trên mốc 80 cho trạng thái quá mua. Thị trường vẫn trong trạng thái uptrend mạnh mẽ.
- Tuần sau có các thông tin quan trọng liên quan đến thuế quan từ Mỹ và một số doanh nghiệp đầu ngành công bố báo cáo tài chính. Thị trường sau khi vượt đỉnh lịch sử có thể giảm co vài nhịp nhưng xu hướng tăng hiện tại vẫn đang rất mạnh. Vnindex hoàn toàn có thể thiết lập cột mốc mới xa hơn trong tuần giao dịch mới.

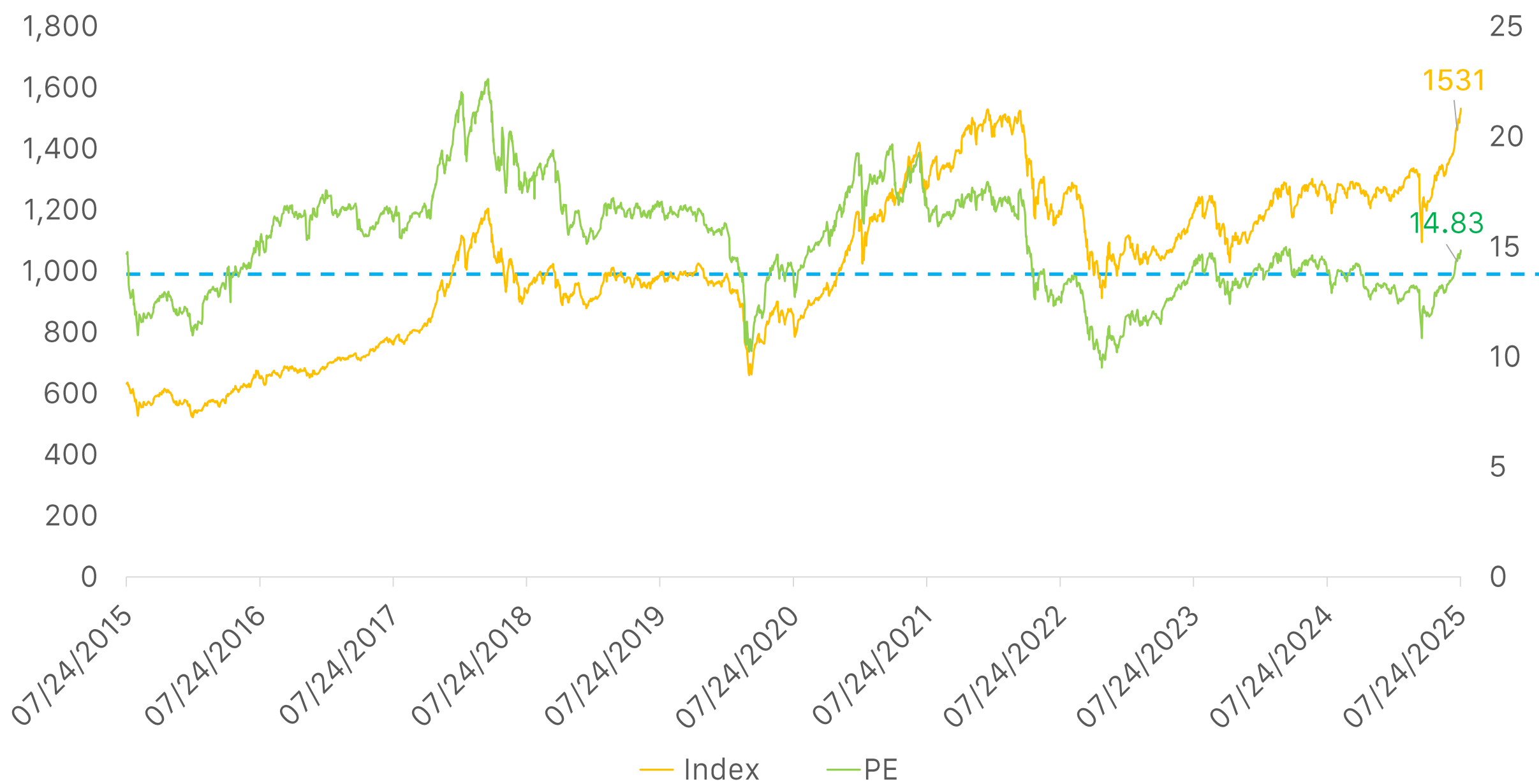


Mức độ hưng phấn thị trường

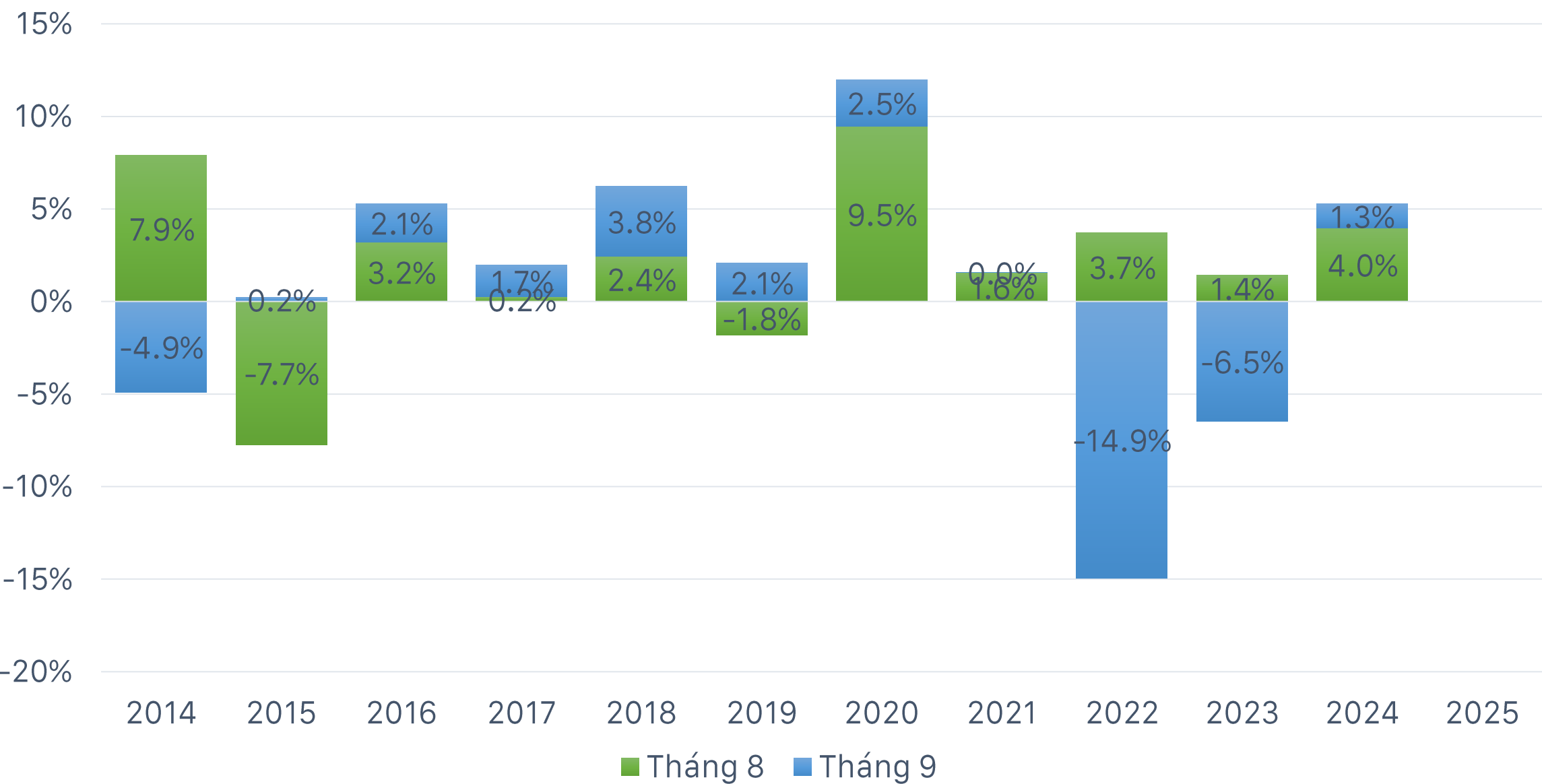


RSI	84.27
MACD	43.39
MFI	92.4
MA20	1450
MA50	1382
MA200	1294

PE thị trường hiện quanh 14.8 thấp hơn giai đoạn đầu 2024



Chu kỳ tháng 8,9 năm nay duy trì đà tăng trưởng các năm 2014 - 2021

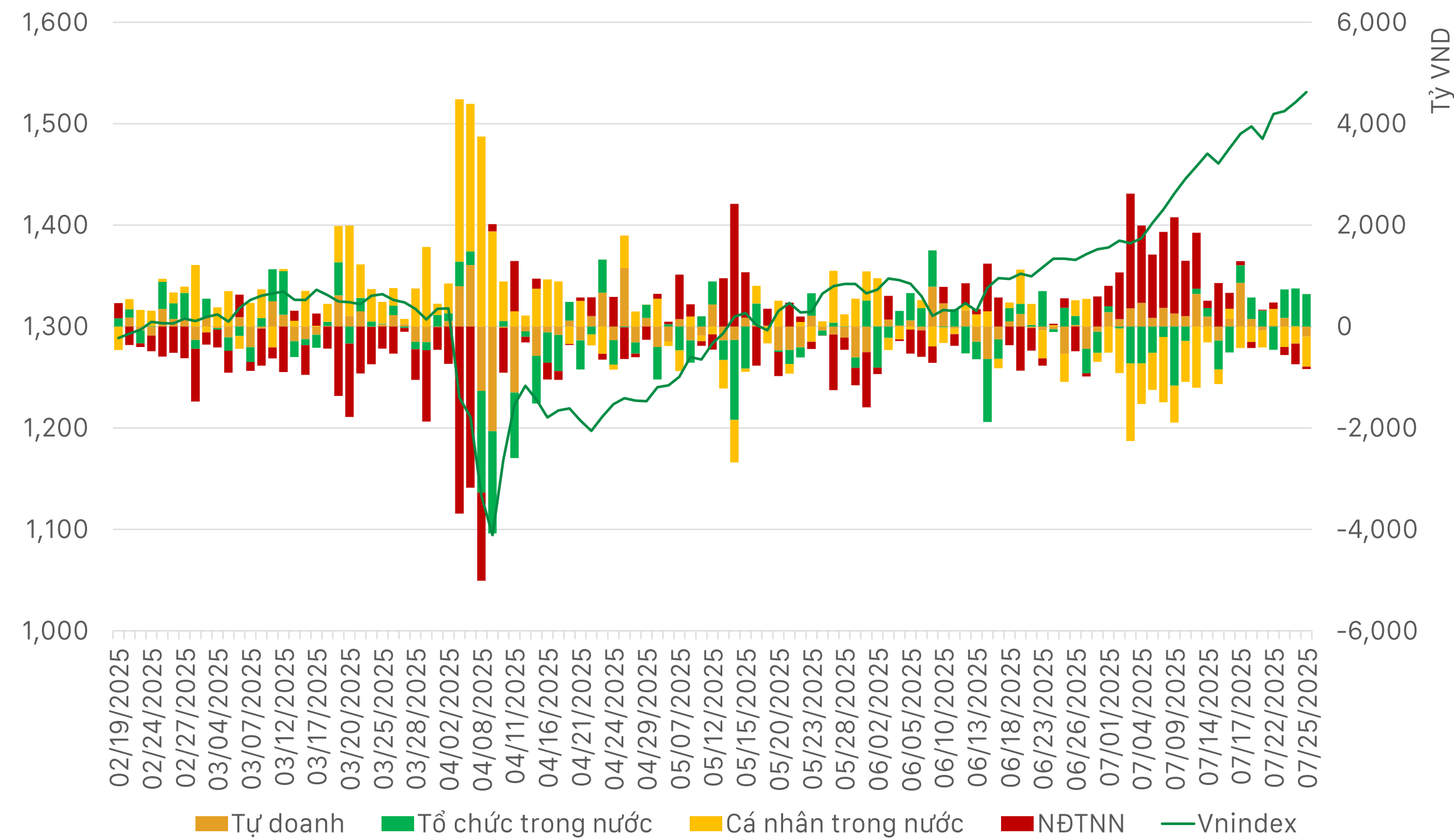


- Định giá PE thị trường hiện vượt mức 14.8. PE hiện tại đang ở mức trung bình 10 năm. Chỉ số PE thời điểm đầu 2022 khoảng 17.5. Như vậy định giá thị trường hiện tại có mức rẻ hơn một phần nhờ một số cổ phiếu blue chip lớn như ngân hàng vẫn đang ở vùng giá hấp dẫn.
- Thị trường kỳ vọng đặc biệt vào khả năng nâng hạng vào cuối năm và kinh tế tăng trưởng như kế hoạch. Các ngành kinh tế hồi phục và đạt lợi nhuận cao là yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường lập đỉnh mới.
- Chu kỳ thị trường các tháng 8,9 thường tăng trưởng khá tốt giai đoạn từ 2014 đến 2024 (trừ năm 2022,2023). Năm nay thị trường đã tăng tốc rất mạnh từ tháng 5 đến nay và động lực vẫn duy trì rất mạnh. Nếu thị trường nâng hạng thành công có thể chứng kiến sự bứt phá mạnh hơn trong 2 tháng sắp tới.

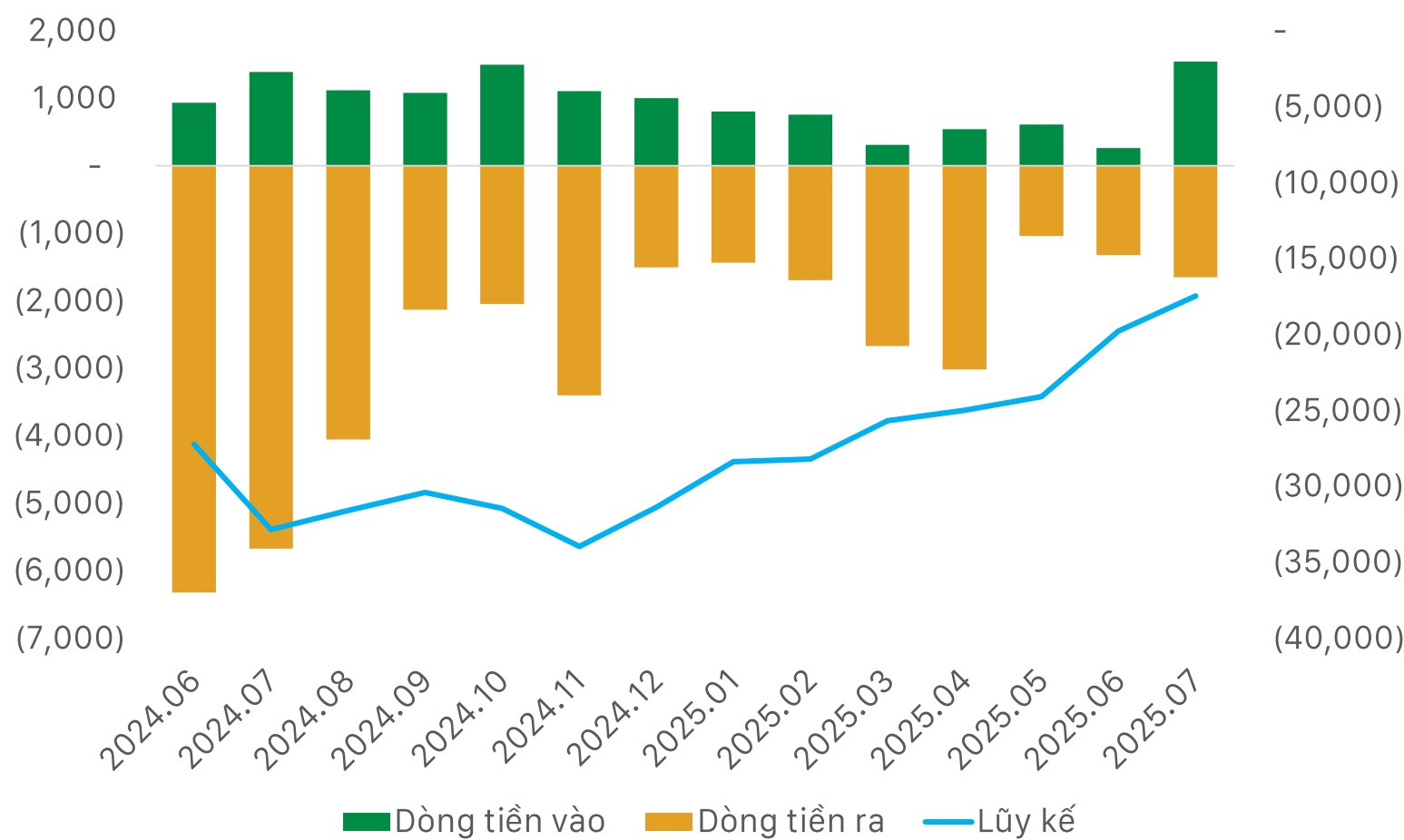
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,531.13	14.83	2.3%	12.0%
Ngân hàng	688.30	10.31	3.0%	12.4%
Dịch vụ tài chính	925.04	22.18	8.3%	28.5%
Bất động sản	672.02	20.25	-0.6%	17.6%
Hóa chất	287.92	19.10	3.1%	4.6%
Tài nguyên Cơ bản	452.17	21.48	1.8%	13.5%
Ô tô và phụ tùng	539.53	48.69	1.8%	15.3%
Bán lẻ	1,400.11	24.54	1.4%	9.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	150.32	11.37	1.2%	6.3%
Viễn thông	995.80	39.37	1.0%	7.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,991.47	16.17	1.6%	4.1%
Dầu khí	82.06	34.72	3.0%	6.6%
Thực phẩm và đồ uống	884.97	17.75	0.6%	4.8%
Xây dựng và Vật liệu	392.65	11.33	2.1%	2.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	484.30	16.69	2.4%	1.4%
Y tế	990.84	15.47	1.2%	2.7%
Công nghệ Thông tin	897.14	21.11	1.1%	9.0%
Truyền thông	686.99		1.1%	15.8%
Bảo hiểm	323.70	14.21	1.3%	2.1%
Du lịch và Giải trí	42.10	24.54	8.2%	7.0%

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex tiếp tục có hiệu suất tăng trưởng rất lớn trên 2.3%. Nhóm chứng khoán là nhóm đóng vai trò chính thúc đẩy thị trường với hàng loạt cổ phiếu có mức tăng từ 10% - 20% trong tuần. Sự tăng trưởng nhóm chứng khoán nhờ kết quả kinh doanh 6 tháng khả quan và sự kỳ vọng thị trường duy trì đà tăng trưởng tới cuối năm.
- Nhóm ngân hàng tiếp tục giữ mạch tăng trưởng rất tốt đặc biệt là xuất hiện sóng nhóm ngân hàng SHB, VIB, VPB, MBB.

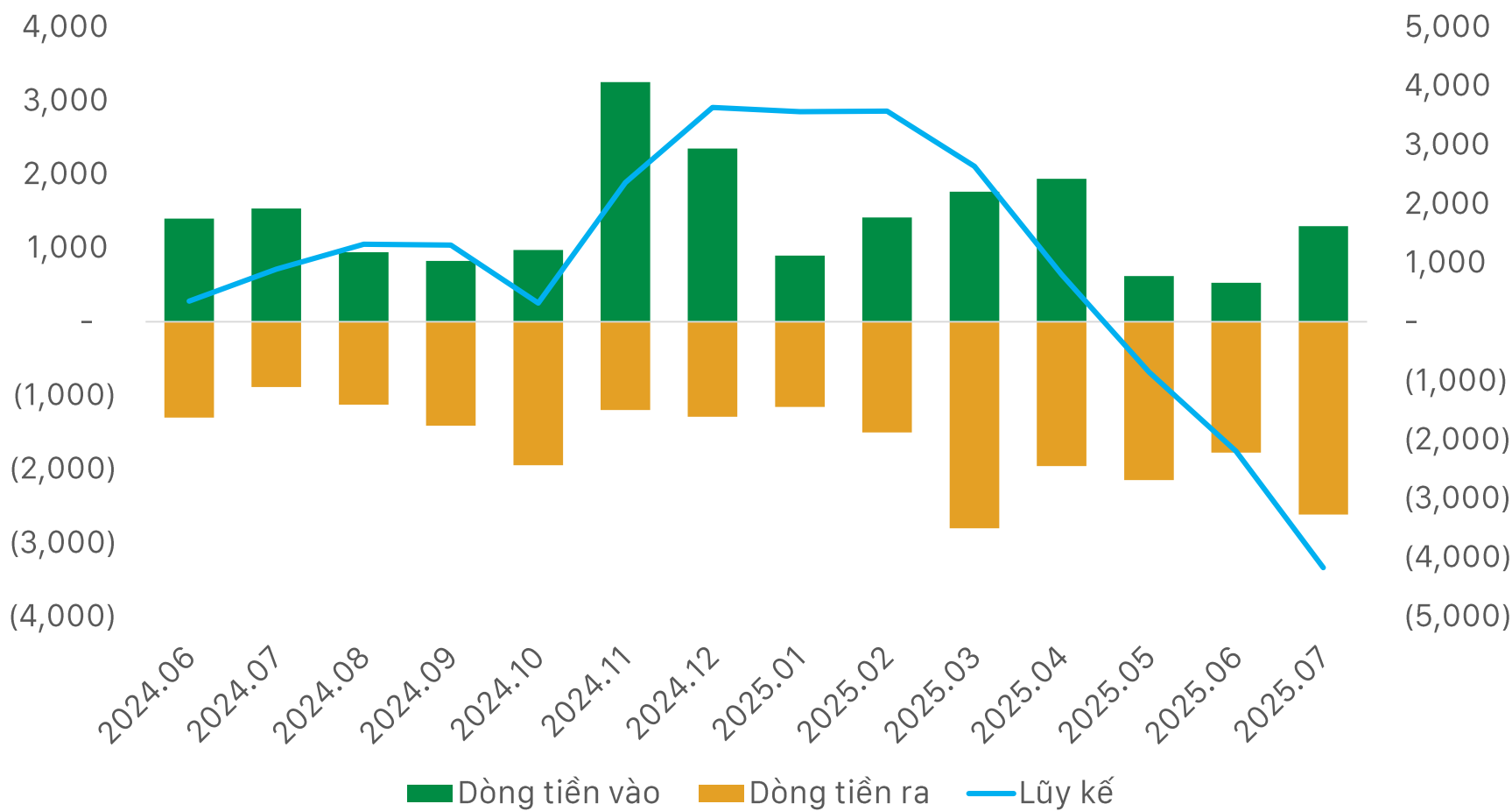
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



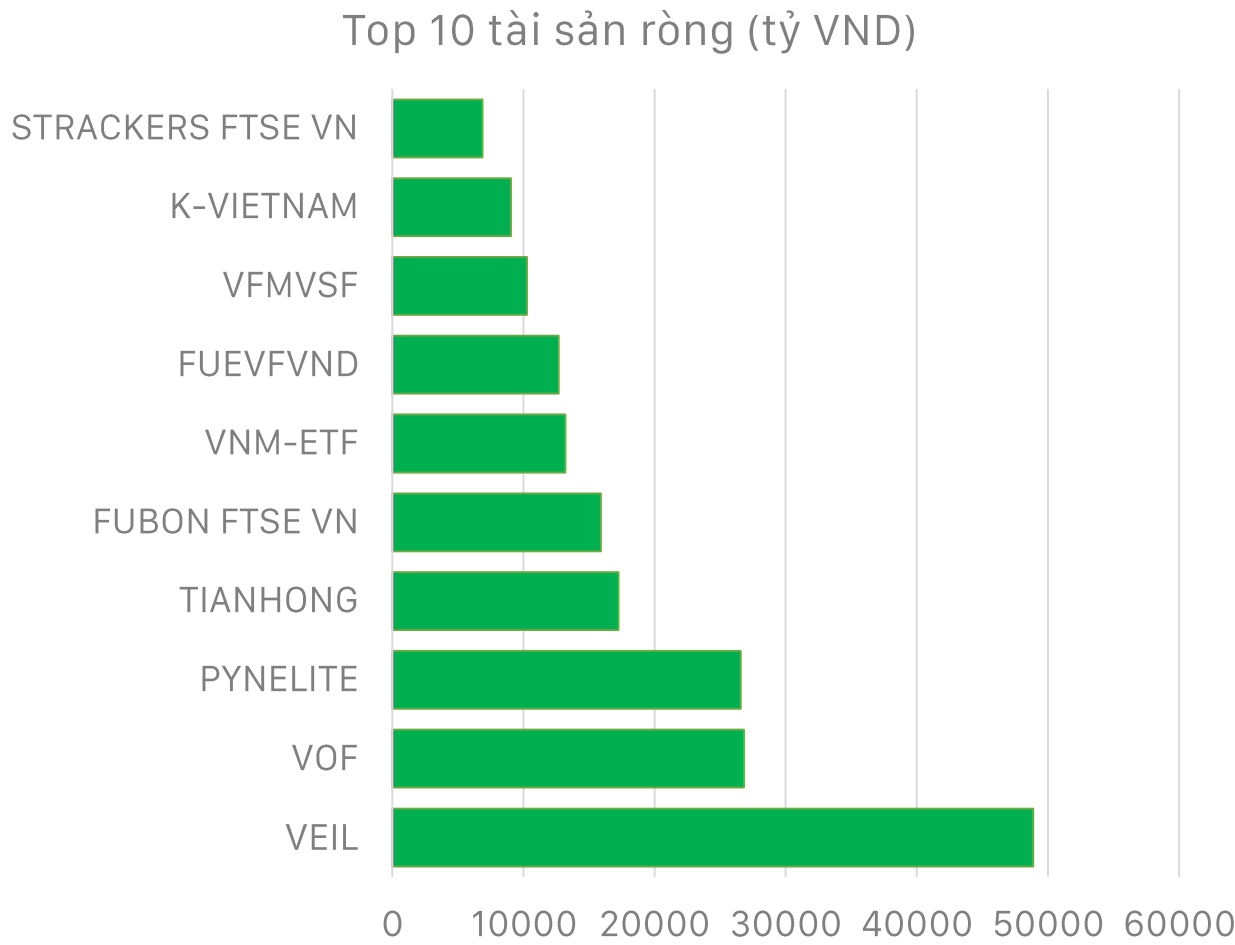
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

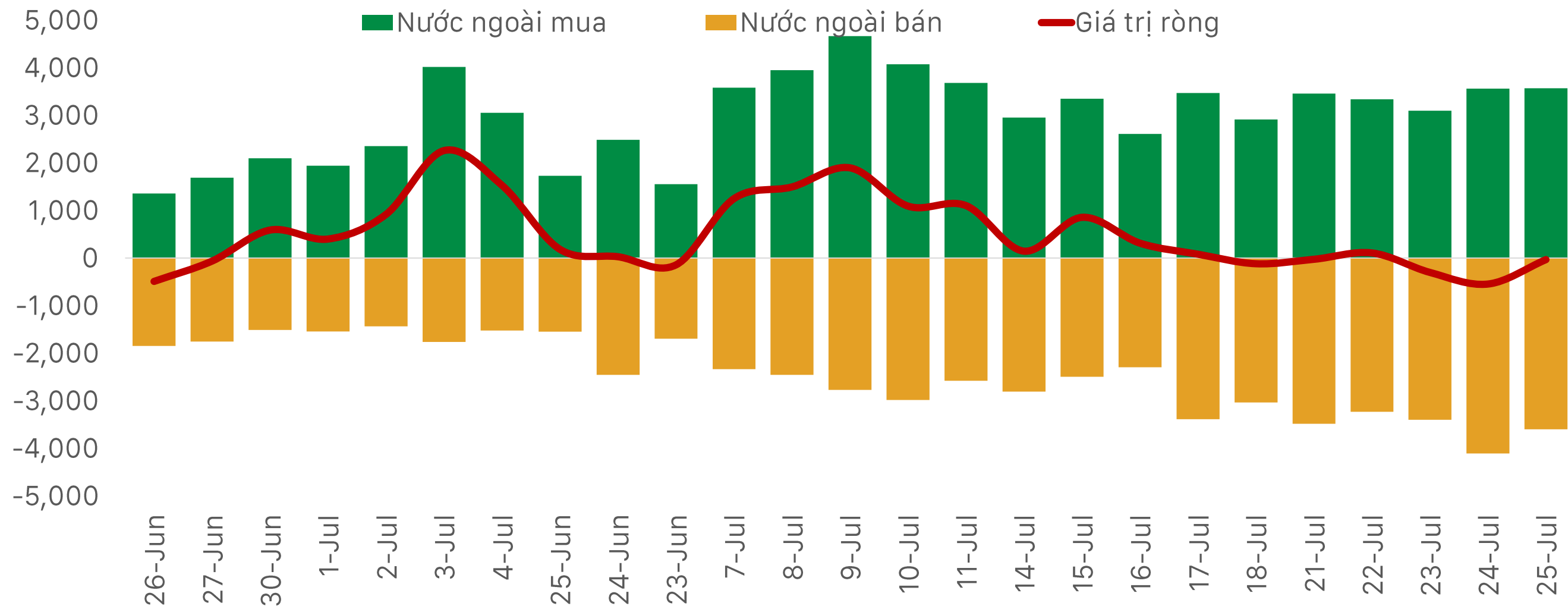


- Quỹ Cổ phiếu Thị trường Mới nổi (Emerging Markets Equity Funds) ghi nhận dòng tiền vào tuần thứ sáu trong tám tuần, với tổng cộng 200 triệu USD vào Quỹ Cổ phiếu EMEA (Europe, Middle East, and Africa), chủ yếu nhờ dòng tiền lớn nhất trong hơn ba năm vào Quỹ Cổ phiếu Ả Rập Saudi (Saudi Arabia Equity Funds), do giảm mối đe dọa từ Iran sau xung đột với Israel.
- Trong khu vực Châu Á không bao gồm Nhật Bản (Asia ex-Japan), Quỹ Cổ phiếu Hàn Quốc (Korea Equity Funds) thu hút 506 triệu USD, mức cao nhất trong hơn hai năm, nhờ kỳ vọng kích thích tài khóa từ Tổng thống mới Lee Jae-myung và giảm nguy cơ tăng giá dầu. Quỹ Cổ phiếu Ấn Độ (India Equity Funds) ghi nhận dòng tiền cao nhất trong tám tuần, nhờ lạm phát giảm xuống 2,1% vào tháng 6 (thấp nhất trong hơn 5 năm) do giá thực phẩm giảm, làm tăng hy vọng về cắt giảm lãi suất. Quỹ Cổ phiếu Đài Loan (Taiwan Equity Funds) và Quỹ Cổ phiếu Trung Quốc (China Equity Funds) cũng ghi nhận dòng tiền tích cực, với Trung Quốc đạt hai tuần流入 liên tiếp lần đầu tiên kể từ đầu tháng 4.
- Quỹ Cổ phiếu Việt Nam (Vietnam Equity Funds) ghi nhận dòng tiền lớn thứ hai trong 27 tháng qua.
- Các thị trường mới nổi, đặc biệt là Ả Rập Saudi, Hàn Quốc, Ấn Độ, và Việt Nam, đang thu hút dòng tiền đáng kể nhờ các yếu tố địa chính trị, chính sách tiền tệ, và kỳ vọng kinh tế tích cực, trong khi tâm lý thận trọng vẫn chi phối các thị trường phát triển.

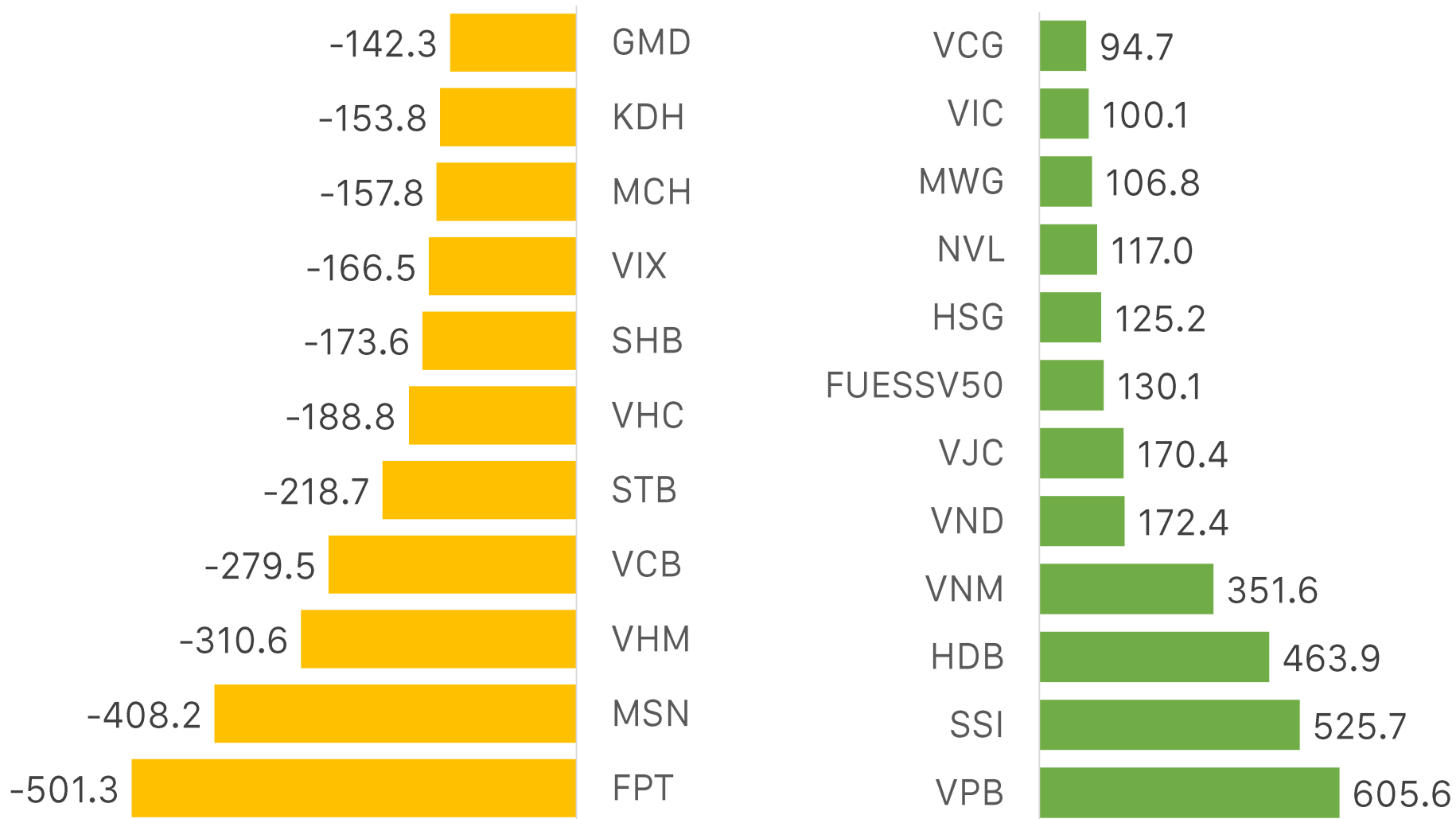
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH



Giá trị mua bán khối ngoại (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

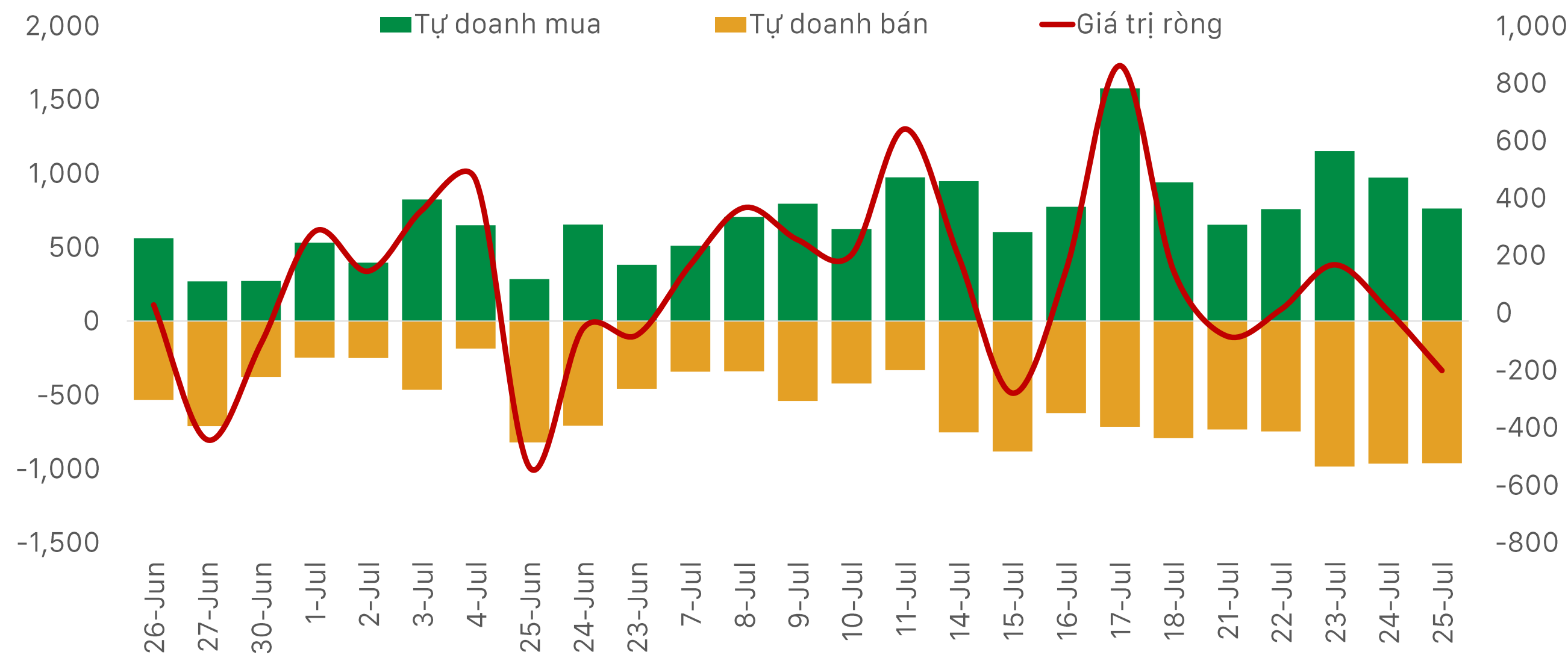


- Khối ngoại có xu hướng bán ròng trở lại trong tuần vừa qua với 5 phiên bán ròng với tổng cộng gần 800 tỷ đồng. Mức độ giao dịch của khối ngoại gia tăng mạnh so với các tuần trước đó với giao dịch mỗi chiều trên 3 ngàn tỷ đồng mỗi phiên. Đây là mức giao dịch khá cao tăng gần gấp 2 lần so với 1 tháng trước đó và chiếm hơn 10% giá trị giao dịch của thị trường.
- Trong tuần qua khối ngoại bán ròng nhiều nhất nhóm cổ phiếu FPT (hơn 500 tỷ), MSN (408 tỷ), VHM (310 tỷ) và một số cổ phiếu ngân hàng VCB, STB, SHB. Phía mua ròng ghi nhận ở nhóm ngân hàng có VPB (605 tỷ), HDB (463 tỷ) và nhóm cổ phiếu chứng khoán SSI, (525 tỷ), VND (172 tỷ).
- Xu hướng giao dịch của khối ngoại vẫn tập trung ở nhóm ngân hàng nhiều nhất ở các cổ phiếu đầu ngành có độ biến động cao như VPB, HDB, STB, SHB và một số cổ phiếu blue chip VNM, VND, VJC, MSN, HSG, MWG. Dòng tiền mua ròng trong tuần qua tham gia vào một số cổ phiếu đáng chú ý như NVL, VCG,

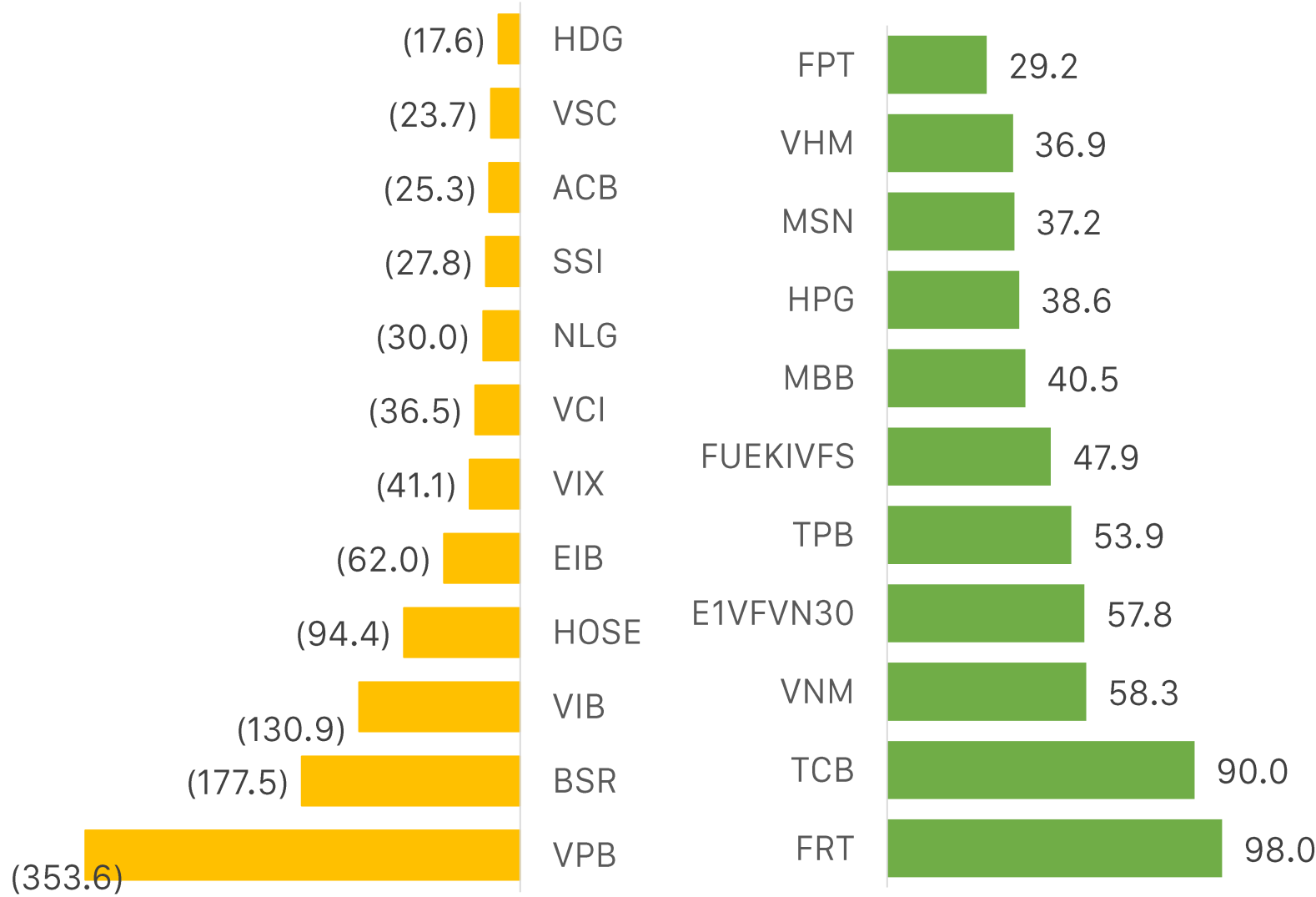
TỰ DOANH ĐẨY MẠNH MUA VÀO 3 PHIÊN CUỐI TUẦN



Giá trị mua bán Tự Doanh (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



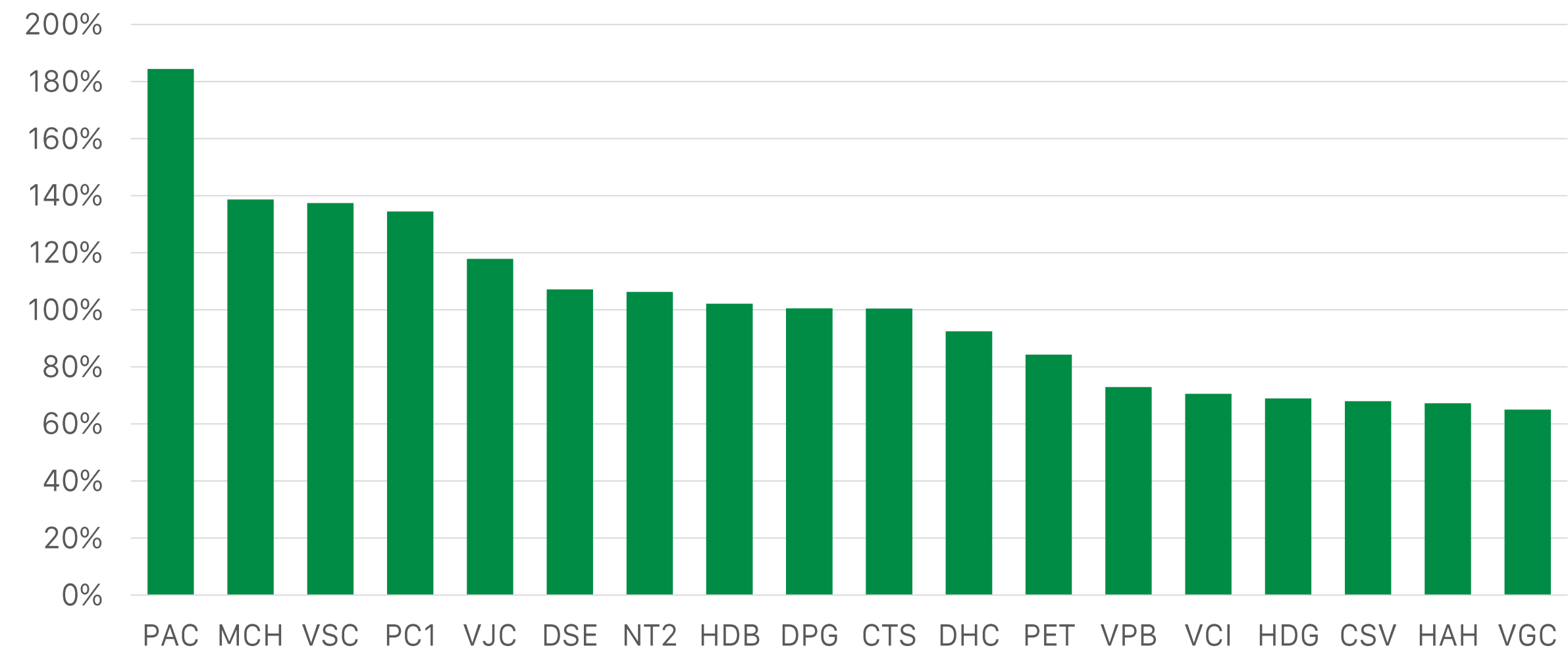
- Khối tự doanh giao dịch tăng mạnh trong tuần vừa qua đặc biệt là ở 3 phiên giao dịch cuối tuần. Xu hướng mua bán nghiêng về phía bán vào nhiều hơn. Tính chung cả tuần khối tự doanh đã bán ròng khoảng 94 tỷ đồng so với con số mua ròng hơn 1000 tỷ tuần trước đó.
- Trong tuần qua nhóm tự doanh bán ròng mạnh VPB (353 tỷ đồng), BSR (177 tỷ đồng), EIB (62 tỷ đồng) và một số cổ phiếu nhóm chứng khoán như VIX, VCI, SSI. Phía mua ròng ghi nhận FRT mua ròng 98 tỷ, TCB (90 tỷ), VNM (58.3 tỷ). Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý khác có TPB, MBB, HPG, MSN, VHM, FPT.
- Như vậy giao dịch tự doanh và khối ngoại có sự trái chiều nhau khi VPB được mua ròng mạnh ở khối ngoại nhưng bán ròng bên tự doanh. Tương tự một số cổ phiếu khác như SSI, FPT, MSN. Chỉ có VNM được mua ròng cả hai bên.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	22.2%	STB, MBB, SHB, VPB, OCB	
Bất động sản	16.0%	DIG, DXG, NLG, NVL	
Dịch vụ tài chính	24.4%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Công nghệ Thông tin	2.0%	FPT, CMG, ELC	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.5%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Thực phẩm và đồ uống	8.6%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	7.7%	CII, HHV, VCG	
Tài nguyên Cơ bản	5.9%	HPG, HSG, NKG	
Hóa chất	3.8%	DPM, DCM, GVR	
Bán lẻ	2.5%	MWG, DGW, PET	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.8%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.6%	PVD, PVS	
Ô tô và phụ tùng	0.7%	HHS, HUT	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9%	TCM, TNG, PNJ	
Du lịch và Giải trí	1.9%	HVN	
Viễn thông	0.5%	VGI	
Truyền thông	0.3%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Y tế	0.3%	DCL, DBD	

- Dòng tiền trong tuần qua giao dịch mạnh ở nhóm ngân hàng đặc biệt ở các cổ phiếu TCB, STB, SHB, VPB, MBB, OCB
- Nhóm chứng khoán ghi nhận dòng tiền đang vào tập trung ở nhóm cổ phiếu lớn như SSI, VIX, VCI, VND.
- Top cổ phiếu có dòng tiền đột biến nổi bật trong tuần qua: PAC, VSC, VJC, HDB, CTS. Xu hướng dòng tiền gia tăng thúc đẩy giá ở một số cổ phiếu có kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng đáng chú ý ở một số ngành ngân hàng, logistic, khu công nghiệp

Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH 6 THÁNG CÁC DOANH NGHIỆP



	Số DN	DT 6T.2025	DT 6T.2025	Tăng trưởng %	LN 6T.2025	LN 6T.2025	Tăng trưởng %
Ngân hàng	7	-	-		33,483.2	36,262.0	8.3%
Dịch vụ tài chính	37	16,891	19,791	17.2%	5,219.8	6,503.5	24.6%
Công nghệ Thông tin	8	30,806	33,859	9.9%	4,433.8	5,328.8	20.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	81	64,190	62,558	-2.5%	3,210.1	4,395.0	36.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	82	42,395	48,218	13.7%	3,748.1	4,042.6	7.9%
Hóa chất	30	26,772	33,757	26.1%	2,571.6	3,168.6	23.2%
Xây dựng và Vật liệu	94	24,691	28,670	16.1%	1,147.3	2,204.0	92.1%
Thực phẩm và đồ uống	50	30,014	33,540	11.8%	1,413.1	2,023.4	43.2%
Viễn thông	3	8,677	10,184	17.4%	1,412.7	1,686.2	19.4%
Bất động sản	30	3,543	4,623	30.5%	1,058.3	1,535.6	45.1%
Bảo hiểm	6	9,249	11,208	21.2%	1,349.1	1,455.3	7.9%
Y tế	21	9,883	10,058	1.8%	996.2	1,104.9	10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	24	15,210	16,979	11.6%	726.0	864.2	19.0%
Tài nguyên Cơ bản	40	51,664	52,085	0.8%	758.2	544.6	-28.2%
Du lịch và Giải trí	17	2,465	2,412	-2.2%	549.1	513.4	-6.5%
Bán lẻ	9	11,896	11,426	-4.0%	180.0	298.0	65.5%
Ô tô và phụ tùng	5	7,107	8,572	20.6%	294.4	166.9	-43.3%
Truyền thông	14	2,025	1,914	-5.5%	138.1	160.7	16.4%
Dầu khí	3	1,238	1,289	4.2%	78.8	60.1	-23.7%
		358,716	391,143	9.0%	62,768	72,318	15.2%

- Đã có hơn 500 doanh nghiệp trên cả 3 sàn công bố báo cáo lợi nhuận 6 tháng đầu năm. Năm nay các doanh nghiệp tăng trưởng không đồng đều và có một số ngành tăng trưởng âm.
- Các nhóm ngành lớn như ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận chậm lại chỉ có 8% trong khi nhóm chứng khoán tăng trưởng khá ở mức 25%. Trong nhóm chứng khoán có những công ty tăng trưởng đột biến như CTS, VIX nhưng cũng có công ty tăng trưởng kém hơn cùng kỳ.
- Các nhóm ngành hóa chất, công nghệ thông tin, xây dựng và vật liệu, điện tăng trưởng khá.
- Các doanh nghiệp nổi bật 6 tháng đầu năm tính đến thời điểm này: VIX, GEE, NTP, EVF, CTS, SAS

CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường vẫn trong xu hướng tăng trung hạn và đang tạo đỉnh mới kể từ 2022. Thị trường đang đặt cược vào kết quả tích cực đối với mức thuế đối ứng nhưng có sự phân loại theo xuất xứ hàng hóa. Sau thông tin thuế sẽ là mùa báo cáo kết quả kinh doanh bán niên. **Nhóm cổ phiếu hướng về nội địa vẫn đáng chú ý, như xu hướng dòng tiền đã chỉ ra nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Bán lẻ đang được thị trường yêu thích.**

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

- ☐ Ngân hàng: **STB, TCB**
- ☐ Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	STB	55,000	16.9%	5,767	8.16	- Tăng trưởng lợi nhuận đạt kỳ vọng nhờ tín dụng tăng trưởng tốt và cải thiện NIM; chất lượng tài sản ổn định dù còn thách thức. - Chuẩn bị hoàn tất đấu giá khoản nợ đảm bảo bằng cổ phần của Trầm Bê, có tiềm năng tăng đáng kể lợi nhuận và giá trị sổ sách. - STB lên kế hoạch mua cổ phần chi phối tại một công ty chứng khoán nhằm mở rộng dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư. - Nâng vốn điều lệ qua ESOP và cổ phiếu thưởng, báo hiệu giai đoạn tăng trưởng tích cực mới sau tái cấu trúc.
2	TCB	40,000	14.4%	3,013	11.60	- Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB. - Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bắt đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA. - TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.
3	MWG	75,000	13.1%	2,977	22.27	- MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. - BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. - MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. - MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HAG	16,000	18%	1,084	12.32	- HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. - Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. - Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	55,000
% tăng giá	16.9%
Vùng giá mua	45,000 – 47,000
Giá dừng lỗ	40,000

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý 1.2025, ngân hàng STB đạt lợi nhuận gần 2,900 tỷ đồng tăng trưởng 37% so với cùng kỳ. Về mục tiêu kinh doanh năm 2025, Sacombank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 14.650 tỷ đồng – tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong chặng cuối của giai đoạn tái cơ cấu. STB có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong các quý còn lại của năm và dự báo quý 2 có thể tăng trưởng lợi nhuận khoảng 25% so với quý 1 lên trên 3,500 tỷ. Lợi nhuận tăng trưởng của của STB đến từ khả năng hoàn nhập dự phòng và kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả. STB đang sắp hoàn tất quá trình tái cấu trúc nợ và chuyển sang giai đoạn tăng tốc phát triển.
- STB đã hoàn thành 13/14 bước tái cấu trúc; bước cuối cùng là đấu giá khoản nợ được đảm bảo bằng 32,5% cổ phần của Trầm Bê. Tổng giá trị nợ gốc là 6.611 tỷ đồng và lãi cộng dồn 13.450 tỷ đồng, cần giá đấu khoảng 33.200 đồng/cp để thu hồi đủ. STB cho biết, ngay cả khi đấu giá thành công, Trầm Bê cũng sẽ không nhận được khoản dư nào do nghĩa vụ lãi rất lớn từ các khoản vay khác. STB có thể thu hồi giá trị tiềm năng khoảng 15 nghìn tỷ đồng (tương đương lợi nhuận sau thuế khoảng 20 nghìn tỷ đồng). Điều này đồng nghĩa lợi nhuận ròng 2025 có thể tăng 128%, hoặc giá trị sổ sách (BVPS) tăng 23% lên 43.700 đồng/cp.
- STB dự kiến mua lại trên 50% cổ phần tại một công ty chứng khoán, với vốn đầu tư tối đa 1.500 tỷ đồng, không bao gồm công ty con đã thoái vốn trước đây (SBS). Đây là bước chuyển đổi chiến lược từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng đa năng, cung cấp thêm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.

Phân tích kỹ thuật

STB đang có sự bứt phá quanh nền giá 47 kéo dài gần 1 tháng qua lên mức đỉnh mới trên 50. STB đang thiết lập xu hướng tăng giá mới với mục tiêu tiếp theo quanh vùng 55-57. Các chỉ báo RSI hiện quay lại xu hướng tăng và vượt qua 70. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ STB và có thể mua thêm nếu cổ phiếu rung lắc về quanh 47-48. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 55,000.



STB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	28,956	34,261	38,627	45,734	54,972	57,862
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852	20,602
Thu nhập lãi thuần	11,527	11,964	17,147	22,072	24,532	6,863
Lợi nhuận sau thuế	2,682	3,411	5,041	7,719	10,087	2,897
EPS	1,206	1,595	2,674	4,094	4,751	1,537
Tỉ lệ CASA	18.7%	22.5%	18.9%	18.3%	17.9%	17.2%
P/B	2.2	1.4	1.5	1.5	1.6	1.5
BVPS (VND)	15,360	18,174	20,489	24,259	29,160	30,693
ROE (%)	9.6%	10.8%	13.8%	18.3%	20.0%	20.4%
NIM (%)	2.7%	2.6%	3.3%	3.7%	3.6%	3.5%
LDR (%)	78.2%	89.1%	95.2%	93.0%	93.6%	94.6%
Chi phí/ Thu nhập (%)	63.1%	55.1%	41.8%	49.2%	48.8%	50.4%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.5%	1.0%	2.3%	2.4%	2.5%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	93.7%	118.6%	131.0%	68.8%	68.4%	74.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	40,000
% tăng giá	14.4%
Vùng giá mua	33,000 – 35,000
Giá dừng lỗ	29,000

Phân tích kỹ thuật

TCB đã tích lũy quanh vùng giá 34 trong 3 tuần và vừa có phiên đột phá về giá thiết lập đỉnh mới quanh 36. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua.

Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35-36 một thời gian. Vùng mua mới có thể mở quanh 34,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



TCB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	74,615	93,041	113,425	131,616	147,940	153,953
Vốn điều lệ	35,049	35,109	35,172	35,225	70,649	78,413
Thu nhập lãi thuần	18,751	26,699	30,290	27,691	35,508	8,305
Lợi nhuận sau thuế	12,582	18,415	20,436	18,191	21,760	6,014
EPS	3,510	5,131	5,729	5,111	3,041	842
Tỉ lệ CASA	44.3%	47.0%	34.3%	38.0%	35.9%	33.7%
P/B	2.3	1.1	1.1	0.7	1.5	1.4
BVPS (VND)	21,151	26,259	31,927	36,990	20,583	21,425
ROE (%)	18.1%	21.7%	19.7%	14.8%	15.6%	14.7%
NIM (%)	4.9%	5.7%	5.3%	4.0%	4.2%	4.0%
LDR (%)	99.2%	109.2%	116.0%	112.7%	116.9%	123.2%
Chi phí/ Thu nhập (%)	32.8%	30.1%	32.1%	33.1%	32.7%	28.3%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	0.5%	0.7%	0.7%	1.2%	1.1%	1.2%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	171.0%	162.9%	157.3%	102.1%	113.9%	111.6%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	75,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG duy trì đà tăng vững chắc từ vùng giá 64 lên vùng giá mới quanh 70. Các chỉ báo kỹ thuật cho xu hướng tăng trung hạn với mục tiêu gần nhất quanh 75. Giá 75 cũng là đỉnh giá cao nhất vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG có thể trở lại đỉnh kháng cự cũ và thiết lập đỉnh mới quanh 80 trong từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chứng lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	36,135
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	1,546
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	7,200
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,462
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	29,669
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	72,679
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	20,290
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	2,985
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	14.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	26,222
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	26,222
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	88.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	16,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	13,000 - 13,300
Giá dừng lỗ	13,000

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 16 và có thể hướng đến 17 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

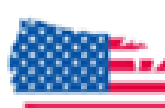
- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. Quý 1.2025 HAG đạt doanh thu 1,380 tỷ đồng và lợi nhuận 341 tỷ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 - 22/7.
- Theo báo cáo quý 1, hiện tại HAG còn khoản vay ngắn hạn hơn 6,000 tỷ và nợ dài hạn 1,435 tỷ. Tỷ lệ nợ vay trên VCSH còn 77%, giảm mạnh so với mức 180% hồi 2020. Tính đến cuối quý I/2025, lỗ lũy kế thu hẹp đáng kể, còn khoảng 82,7 tỷ đồng. Có thể kỳ vọng kết thúc Q2/2025, HAG sẽ xóa được lỗ lũy kế và ra khỏi diện cảnh báo.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	1,380
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	341
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	564
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(143)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,057
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	9,743
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	23,479
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	9,214
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,081
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	11.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,069
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,435
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	7,504
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	77.0%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Một cuộc họp cấp bộ trưởng giữa Mỹ và Trung Quốc được lên kế hoạch, tập trung vào các vấn đề thương mại trong bối cảnh căng thẳng thuế quan (thuế 10% đối với hàng Trung Quốc). Cuộc họp này có thể ảnh hưởng đến thị trường tài chính toàn cầu.	 Fed dự kiến họp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC). Với lạm phát ổn định (~2.4%) và tỷ lệ thất nghiệp ~4.2%, lãi suất có thể được giữ ở mức 4.75-5% hoặc giảm nhẹ 0.25%. Tuyên bố của Fed sẽ được theo dõi sát sao vì tác động đến USD và thị trường chứng khoán.	 Chính quyền Trump có thể áp thuế 25% đối với hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc và Nhật Bản, trừ khi đạt được thỏa thuận thương mại. Điều này có thể gây biến động trên thị trường chứng khoán và ngoại hối.	 Báo cáo đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền - Phản ánh sức khỏe sản xuất, ảnh hưởng USD.	 Chính phủ có thể công bố thêm biện pháp hỗ trợ bất động sản hoặc tiêu dùng nội địa, trong bối cảnh tăng trưởng GDP quý 2 đạt 5.2% nhưng đầu tư bất động sản giảm 11.2%.
 Sự kiện CFR về chính sách thương mại - Thảo luận tác động thuế quan Trump, ảnh hưởng EUR.	 Eurostat có thể công bố CPI tháng 7, dự kiến ~2.4% do giá năng lượng giảm. ECB sẽ dựa vào số liệu này để cân nhắc chính sách tiền tệ. imf.org Khảo sát cho vay của ECB: ECB có thể công bố khảo sát cho vay quý 2, đánh giá nhu cầu tín dụng và tiêu chuẩn cho vay, phản ánh sức khỏe kinh tế khu vực	 EU có thể tiếp tục đàm phán để tránh thuế 30% của Mỹ (dự kiến có hiệu lực từ 1/8). Kết quả đàm phán sẽ ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán châu Âu (DAX, CAC 40).	 Sau thỏa thuận thương mại đạt được với Mỹ (thuế 19% thay vì 32%), Việt Nam có thể tiếp tục đàm phán để mở rộng xuất khẩu năng lượng và nông sản.	 Cục Thống kê Quốc gia công bố PMI tháng 7, dự kiến ~50.5 (sản xuất) và ~52 (phi sản xuất), phản ánh sự phục hồi nhờ kích thích kinh tế

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VC3	HNX	1/8/2025	4/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	NSC	HOSE	31/07/2025	1/8/2025	14/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TED	UPCoM	31/07/2025	1/8/2025	3/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BVL	UPCoM	31/07/2025	1/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	PCH	HNX	30/07/2025	31/07/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	SIV	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	15/08/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BMD	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	25/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	MTV	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	8/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	BRS	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	26/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BDG	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	18/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PMB	HNX	30/07/2025	31/07/2025	15/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	RTB	UPCoM	30/07/2025	31/07/2025	15/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	MCP	HOSE	30/07/2025	31/07/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	SJS	HOSE	30/07/2025	31/07/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:159	Thưởng cổ phiếu
15	TRC	HOSE	30/07/2025	31/07/2025	19/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TTD	UPCoM	29/07/2025	30/07/2025	15/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HMD	UPCoM	29/07/2025	30/07/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40	Thưởng cổ phiếu
18	MH3	UPCoM	29/07/2025	30/07/2025	22/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	MQB	UPCoM	29/07/2025	30/07/2025	8/8/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DRI	UPCoM	29/07/2025	30/07/2025	15/08/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



THANK YOU